



DNURENCO

CÔNG TY CỔ PHẦN MÔI TRƯỜNG ĐÔ THỊ ĐÀ NẴNG



BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN

2017

THÔNG TIN CHUNG	01
TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM	07
BÁO CÁO BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	29
BÁO CÁO HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ	45
QUẢN TRỊ CÔNG TY	53
BÁO CÁO TÀI CHÍNH KIỂM TOÁN NĂM 2017	61



MỤC LỤC



1



THÔNG TIN CHUNG

THÔNG TIN KHÁI QUÁT

QUÁ TRÌNH HÌNH THÀNH VÀ PHÁT TRIỂN

MÔ HÌNH QUẢN TRỊ CƠ CẤU TỔ CHỨC

ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN

NGÀNH NGHỀ VÀ ĐỊA BÀN KINH DOANH

CÁC RỦI RO



Thông tin khái quát

Tên công ty	CÔNG TY CỔ PHẦN MÔI TRƯỜNG ĐÔ THỊ ĐÀ NẴNG
Tên giao dịch	DANANG URBAN ENVIRONMENT JOINT STOCK COMPANY
Giấy CNĐKDN số	0400228640 do Sở Kế hoạch và Đầu tư TP. Đà Nẵng cấp lần đầu ngày 24/06/2010, đăng ký thay đổi lần 2 ngày 01/10/2015
Vốn điều lệ	57.736.000.000
Vốn chủ sở hữu	72.979.074.939
Địa chỉ	471 Núi Thành, Phường Hòa Cường Nam, Quận Hải Châu, TP. Đà Nẵng
Số điện thoại	(0236) 3622 007
Số fax	(0236) 3642 423
Website	www.moitruongdothidanang.com.vn
Email	ctmtdt@danang.gov.vn
Mã cổ phiếu	DNE



Quá trình hình thành và phát triển

THỜI GIAN	SỰ KIỆN TIÊU BIỂU
04/1975	Công ty Vệ sinh Đà Nẵng, tiền thân của Công ty TNHH MTV Môi Trường Đô Thị Đà Nẵng, được thành lập từ việc tiếp quản Ty Vệ sinh của chế độ cũ.
1985	Công ty trực thuộc thành phố Đà Nẵng, tỉnh Quảng Nam, Đà Nẵng.
1992	03 đơn vị Xí nghiệp Công trình Đô thị, Xí nghiệp Điện Chiếu sáng và Công ty Vệ sinh Đà Nẵng sáp nhập thành Công ty Công trình Đô thị Đà Nẵng.
1993	Tiến hành tách 03 Xí nghiệp của Công ty Công trình Đô thị Đà Nẵng như cũ và Công ty đổi tên thành Công ty Môi trường Đô thị thành phố Đà Nẵng, trực thuộc UBND thành phố Đà Nẵng, tỉnh Quảng Nam-Đà Nẵng.
1997	Do chia tách tỉnh, Công ty chuyển sang trực thuộc Sở Giao thông Công chính TP. Đà Nẵng.
01/2008	Công ty chuyển sang trực thuộc Sở Tài nguyên và Môi trường TP. Đà Nẵng.
2010	Công ty chuyển thành Công ty TNHH MTV Môi trường Đô thị Đà Nẵng theo Quyết định số 3950/QĐ-UB ngày 26/5/2010 của UBND thành phố Đà Nẵng. Công ty được Sở Kế hoạch và Đầu tư Tp. Đà Nẵng cấp Giấy CNĐKDN số 0400228640 lần đầu ngày 24/06/2010.
01/10/2015	Công ty hoàn tất quá trình cổ phần hóa và chính thức hoạt động theo hình thức Công ty cổ phần từ ngày 01/10/2015.
15/01/2016	Công ty cổ phần Môi trường Đô thị Đà Nẵng được Ủy ban Chứng khoán Nhà nước chấp thuận đăng ký Công ty đại chúng.
05/04/2017	CTCP Môi trường Đô thị Đà Nẵng chính thức giao dịch trên sàn UPCOM với giá tham chiếu trong ngày giao dịch đầu tiên là 10.400 đồng/CP.



Các giải thưởng tiêu biểu

2001

- 18/01/2001: Bằng khen Bộ trưởng Bộ Giao thông “Đã có thành tích hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ năm 2000” Quyết định số 232/QĐ-BGTVT.
- 25/04/2001: Bằng khen của Bộ trưởng- Trưởng ban chỉ đạo Quốc gia về cung cấp nước sạch và vệ sinh môi trường theo QĐ số: 02/2001/BCĐ-QĐ.
- 28/05/2001: Chủ tịch nước tặng thưởng “Huân chương lao động hạng nhất” Quyết định số 424/2001/QĐ/CTN.
- 27/12/2001: Chủ tịch UBND TP Đà Nẵng tặng Bằng khen “Đã có thành tích tốt trong phong trào quần chúng Bảo vệ an ninh Tổ quốc năm 2001” Quyết định số 8334/QĐ-UB.

2002

- Ngày 04/01/2002: Đăng bộ trong sạch vững mạnh năm 2001 của Quận uỷ Hải Châu theo QĐ số 25-QĐ/QU.
- Ngày 15/01/2002: Bằng khen Bộ trưởng Bộ Giao thông “Đã có thành tích hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ năm 2001” Quyết định số 138/QĐ-BGTVT.

2003

- Ngày 15/01/2003: Đăng bộ trong sạch vững mạnh năm 2002 của Quận uỷ Hải Châu theo QĐ số 56-QĐ/QU; Cờ Thi đua của Tổng Liên Đoàn Lao Động Việt Nam theo QĐ số: 173/QĐ-TLĐ.
- Ngày 13/02/2003: Bằng khen Bộ trưởng Bộ Giao thông “Đã có thành tích hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ năm 2002” Quyết định số 351/QĐ-BGTVT.

2004

- Ngày 02/03/2004: Chủ tịch UBND TP Đà Nẵng tặng Bằng khen “Đã hoàn thành tốt công tác vệ sinh đô thị phục vụ các ngày lễ lớn trong năm 2003” Quyết định số 1518/QĐ-UB.
- Ngày 20/07/2004: Bằng khen của Liên Đoàn Lao Động Thành phố Đà Nẵng theo QĐ số: 71/QĐ-LĐLĐ đã có thành tích xuất sắc trong phong trào thi đua chào mừng kỷ niệm 75 năm ngày thành lập Công Đoàn Việt Nam (28/7/1929 - 28/7/2004).
- Ngày 27/11/2004: Chủ tịch UBND TP Đà Nẵng tặng bằng khen “Đã có thành tích tốt trong công tác bảo đảm trật tự an toàn giao thông, trật tự đô thị năm 2003” Quyết định số 581 /QĐ-UB.

2005

- Ngày 27/01/2005: Bằng khen của UBND thành phố Đà Nẵng Theo QĐ số: 745/QĐ-UB đã hoàn thành tốt nhiệm vụ công tác Công đoàn năm 2004.
- Ngày 29/03/2005: Bằng khen của Tổng Cục Thuế theo QĐ số: 148/TCT/QĐ/VP đã có thành tích hoàn thành tốt nghĩa vụ nộp thuế năm 2004.
- Ngày 22/12/2005: Chủ tịch UBND TP Đà Nẵng tặng bằng khen “Đã thực hiện tốt công tác khắc phục hậu quả cơn bão số 8 năm 2005” Quyết định số 9828 /QĐ-UB.

2006

- Ngày 05/01/2006: Cờ Thi đua của Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam theo QĐ số: 33/QĐ-TLĐ đã có thành tích xuất sắc trong phong trào thi đua lao động giỏi và xây dựng tổ chức Công đoàn vững mạnh năm 2005.
- Ngày 31/03/2006: Chủ tịch UBND TP Đà Nẵng tặng bằng khen “Đã thực hiện tốt kế hoạch vệ sinh môi trường đô thị phục vụ Tết Bính Tuất năm 2006” theo Quyết định số 1518/QĐ-UB.
- Ngày 11/05/2006: Bộ Tài nguyên và Môi trường tặng giải thưởng Môi trường năm 2006, Quyết định số 641/QĐ-BTNMT.



- Ngày 15/01/2003: Đăng bộ trong sạch vững mạnh năm 2002 của Quận uỷ Hải Châu theo QĐ số 56-QĐ/QU; Cờ Thi đua của Tổng Liên Đoàn Lao Động Việt Nam theo QĐ số: 173/QĐ-TLĐ.
- Ngày 13/02/2003: Bằng khen Bộ trưởng Bộ Giao thông “Đã có thành tích hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ năm 2002” Quyết định số 351/QĐ-BGTVT.

2003

- Ngày 12/01/2007: Đăng bộ trong sạch vững mạnh năm 2006 của Quận uỷ Hải Châu theo QĐ số: -QĐ/QU.

2007

- Ngày 07/01/2008: Đăng bộ trong sạch vững mạnh năm 2007 của Quận uỷ Hải Châu theo QĐ số:1107-QĐ/QU.
- Ngày 20/03/2008: Cờ thi đua Chủ tịch UBND TP Đà Nẵng năm 2007 “Đã hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ công tác, dẫn đầu phong trào thi đua yêu nước năm 2007” theo Quyết định số 2436/QĐ-UB.

2008

- Ngày 30/03/2009: Chủ tịch UBND TP Đà Nẵng tặng Cờ thi đua “Đã hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ công tác, dẫn đầu phong trào thi đua yêu nước năm 2008” theo Quyết định số 2360/QĐ-UB.
- Ngày 28/05/2009: Thủ Tướng Chính phủ tặng thưởng “Cờ thi đua Chính phủ năm 2008” Quyết định số 684/QĐ-TTg.
- Ngày 22/12/2009: Đăng bộ đạt tiêu chuẩn tổ chức cơ sở Đảng trong sạch vững mạnh tiêu biểu năm 2009 của Quận uỷ Hải Châu theo QĐ số: 2575 -QĐ/QU.

2009

- Ngày 22/01/2010: Chủ tịch UBND TP Đà Nẵng tặng Cờ thi đua “Đã hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ công tác, dẫn đầu phong trào thi đua yêu nước của ngành Tài nguyên và Môi trường năm 2009” theo Quyết định số 626/QĐ-UB.
- Ngày 14/04/2010: Chủ tịch UBND TP Đà Nẵng tặng bằng khen “ đã có thành tích xuất sắc trong phong trào thi đua lao động giỏi 5 năm (2005-2010)” theo Quyết định số 2988/QĐ-UB.
- Ngày 31/08/2010: Chủ tịch nước tặng thưởng “ Huân chương Độc lập hạng ba ” quyết định số 1460/QĐ/CTN.

2010

- 20/11/2017: Chủ tịch UBND thành phố tặng Bằng khen đã có thành tích xuất sắc trong công tác chuẩn bị, phối hợp tổ chức và phục vụ Tuần lễ cấp cao APEC Việt Nam 2017 tại TP Đà Nẵng.
- 22/12/2017: Công an TP Đà Nẵng tặng Giấy khen cho tập thể có thành tích xuất sắc trong phong trào Toàn dân bảo vệ an ninh tổ quốc năm 2017.

2017



Ngành nghề và địa bàn kinh doanh

- Thu gom, vận chuyển và xử lý rác thải sinh hoạt, chất thải công nghiệp, chất thải hàng hải, chất thải nguy hại, phế thải xây dựng và hầm cầu. Cung cấp dịch vụ vệ sinh công cộng, vỉa hè, đường phố, cống rãnh, ao hồ, đầm, trên sông, ven biển.
- Xử lý ô nhiễm môi trường các hệ thống sông, hồ, đầm, ao, vịnh biển và bờ biển. Xử lý các loại nước thải, nước nhiễm bẩn, nhiễm dầu. Xây dựng, sửa chữa, nạo vét mương cống, công trình xử lý nước thải và tháo dỡ các công trình xây dựng.
- Tư vấn lập các hồ sơ, thủ tục dự án trong lĩnh vực môi trường và tư vấn chuyển giao công nghệ sản xuất phân bón hữu cơ vi sinh. Tư vấn thiết kế, xây dựng và đầu tư xây dựng các công trình xử lý chất thải, xử lý môi trường.
- Sản xuất và cung ứng các sản phẩm hoá, sinh, vi sinh trong xử lý môi trường, chăn nuôi, trồng trọt và nuôi trồng thuỷ sản.
- Kinh doanh các loại vật tư, thiết bị, hoá chất, vi sinh và các trang thiết bị liên quan đến lĩnh vực xử lý môi trường.

Công ty chủ yếu hoạt động tại Thành phố Đà Nẵng.

Mô hình quản trị và cơ cấu tổ chức

Mô hình quản trị

Là một công ty cổ phần, mô hình quản trị của Công ty tổ chức theo Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty, bao gồm các bộ phận:

- Đại hội đồng cổ đông
- Hội đồng quản trị Công ty
- Ban kiểm soát
- Ban Tổng Giám đốc

Cơ cấu bộ máy quản lý

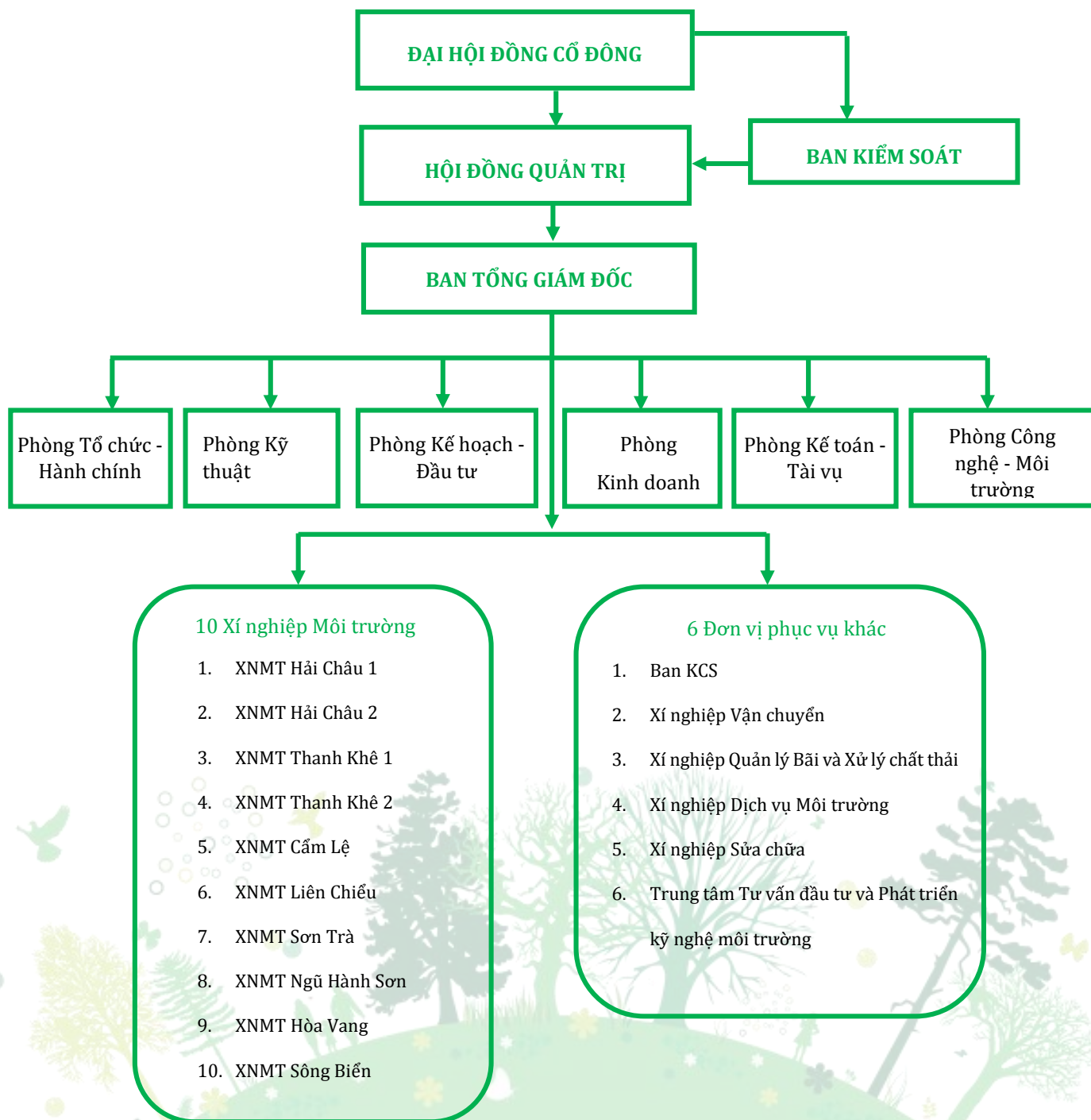
Cơ cấu bộ máy quản lý của Công ty được tổ chức theo mô hình công ty cổ phần. Công ty được tổ chức gọn nhẹ để giảm thiểu và triệt tiêu những lãng phí không cần thiết, và hướng đến hiệu quả cao nhất cho cổ đông.

Các công ty con, công ty liên kết

Không có



Sơ đồ bộ máy tổ chức



Định hướng phát triển

Các mục tiêu chủ yếu của Công ty

Mục tiêu về thị trường

Giữ vững thị trường đang hoạt động ổn định trên địa bàn thành phố Đà Nẵng, đồng thời nghiên cứu chuyển hướng phát triển thị trường sang các tỉnh lân cận cũng như trên toàn quốc về các mảng cung cấp dịch vụ vệ sinh môi trường với giá cả mang tính cạnh tranh, trong đó các mảng chú trọng là chất thải nguy hại, tái chế chất thải, tư vấn thiết kế các công trình liên quan đến môi trường.

Mục tiêu về lợi nhuận

- Thực hiện cải tiến hệ thống tổ chức, quản lý, đổi mới đầu tư công nghệ, tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động điều hành; góp phần phát huy năng suất của người lao động, nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh và lợi nhuận, đảm bảo doanh thu và lợi nhuận tăng đều hàng năm.
- Doanh thu trong những năm đầu tiên sau cổ phần hóa phấn đấu đạt mức tăng trưởng đều bình quân hàng năm là từ 15% - 20%. Trong đó doanh thu dịch vụ tăng 20% - 25%, phấn đấu doanh thu loại hình này trong những năm về sau chiếm tỷ trọng từ 35 - 40% tổng doanh thu toàn Công ty.
- Phấn đấu mức chi trả cổ tức đạt tối thiểu 8%/năm.





Chiến lược phát triển trung và dài hạn

- Tiếp tục phát triển mạng lưới dịch vụ công cộng ra các khu vực thị trấn, thị tứ thuộc huyện Hoà Vang dựa theo tiêu chí nông thôn mới để khai thác.
- Trong các hoạt động của Công ty, phải xem lĩnh vực nhận đặt hàng phục vụ vệ sinh đô thị với thành phố là lĩnh vực then chốt, lâu dài, có tính chất quyết định đến yếu tố thành công, phát triển hoặc thất bại của Công ty.
- Xem xét đầu tư có trọng điểm để nâng cao khả năng cạnh tranh của mảng dịch vụ vệ sinh có nguồn thu không từ ngân sách nhà nước; tiến đến doanh thu dịch vụ là nguồn thu quan trọng góp phần đáng kể vào lợi nhuận Công ty và nâng cao đời sống người lao động.
- Lợi nhuận trong giai đoạn này phấn đấu tăng trưởng đều bình quân hằng năm từ 15% đến 20% đảm bảo ổn định đời sống, thu nhập cho CBCNV.



Rủi ro kinh tế

Theo báo cáo kết quả của Tổng cục thống kê, năm 2017, được xem như một năm “thần kỳ” của nền kinh tế Việt Nam, với việc lần đầu tiên chúng ta hoàn thành toàn diện và vượt mức 13 chỉ tiêu kinh tế-xã hội đã đề ra, trong đó nổi bật nhất là tăng trưởng GDP đạt 6,81%, mức cao nhất trong 10 năm qua cùng với đó lạm phát được kiểm soát ở mức 3,53% cho thấy nền kinh tế đang dần hồi phục rõ nét. Năm 2017 cũng là một năm đánh dấu nhiều bước ngoặt trong quá trình hội nhập khi Việt Nam lần thứ 2 đăng cai tổ chức tuần lễ Cấp cao APEC tại Đà Nẵng thành công tốt đẹp giúp nâng cao vị thế của Việt Nam trên thị trường quốc tế tuy mở ra nhiều cơ hội song cũng tiềm ẩn nhiều rủi ro.

Một nền kinh tế phát triển sẽ kéo theo sự tăng trưởng của các ngành trong nền kinh tế như: bất động sản, xây dựng, quy hoạch đô thị, ... Việc sản xuất kinh doanh trên địa bàn Thành phố Đà Nẵng cũng góp phần nâng cao vị thế cạnh tranh của Công ty trong ngành. Đà Nẵng là đô thị loại I trực thuộc trung ương, là trung tâm kinh tế và là một trong những trung tâm, văn hóa, giáo dục, khóa học và công nghệ lớn của khu vực miền Trung – Tây Nguyên. Bên cạnh đó chính quyền thành phố đang hướng đến xây dựng một thành phố đáng sống, xây dựng lối sống văn hóa văn minh đô thị trong đó công tác vệ sinh môi trường đô thị được đặt lên hàng đầu. Do đó đây là điều kiện thuận lợi để DNE có những bước chuyển mình phù hợp và xây dựng được chiến lược phát triển dài hạn phù hợp với xu thế phát triển của thành phố.

Rủi ro pháp luật

Là một Công ty đại chúng và đã đăng ký giao dịch chứng khoán nên DNE chịu sự chi phối của pháp luật Việt Nam. Do vậy, khi có sự điều chỉnh trong quy định của Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán, Luật Thuế, Luật Tài nguyên và Bảo vệ Môi trường và các quy định khác liên quan đến ngành nghề hoạt động kinh doanh của Công ty thì sẽ ảnh hưởng đến hoạt động và kết quả kinh doanh của công ty. Cụ thể trong năm qua, Nghị định số 71/2017/NĐ-CP có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 08 năm 2017 hướng dẫn về Quản trị Công ty áp dụng đối với Công ty đại chúng đã được ban hành nên việc các doanh nghiệp áp dụng vào thực tế còn gặp nhiều khó khăn, do đó đòi hỏi DNE phải có sự tìm hiểu, nghiên cứu và nhanh chóng chuẩn bị nhằm điều chỉnh các văn bản pháp lý và hoạt động công ty, không để vi phạm pháp luật, từ đó tạo tiền đề cho sự phát triển của Công ty trong tương lai.



Các rủi ro

Rủi ro đặc thù ngành

- **Rủi ro cạnh tranh:** Hiện tại trên địa bàn TP Đà Nẵng, Công ty là doanh nghiệp chủ yếu cung cấp các loại hình dịch vụ công cộng liên quan tới lĩnh vực môi trường như: vệ sinh môi trường, thu gom và vận chuyển rác thải, So với các doanh nghiệp trong ngành Môi trường thì Công ty là một trong những Công ty có bề dày hoạt động, có kinh nghiệm trong hoạt động quản trị và tiên phong trong việc cổ phần hóa. Qua mỗi giai đoạn Công ty đã vượt qua nhiều khó khăn thử thách để từng bước khẳng định vị thế của mình trong ngành Môi trường cũng như sự tín nhiệm của lãnh đạo thành phố và khách hàng. Vì thế, không có nhiều doanh nghiệp có thể cạnh tranh với DNE trong lĩnh vực này trên địa bàn Thành phố Đà Nẵng.
- **Rủi ro giá nguyên liệu đầu vào:** Công ty hoạt động chủ yếu trong lĩnh vực môi trường đô thị, do đó hiệu quả kinh doanh chịu ảnh hưởng trực tiếp từ giá cả các yếu tố đầu vào của Công ty. Trong thời gian qua thì giá nguyên vật liệu, nhiên liệu, xăng dầu có những biến động rất lớn một phần do sự biến động giá trên thế giới ảnh hưởng đến giá cả trong nước; ngoài ra giá nhân công tăng cũng ảnh hưởng không nhỏ đến chi phí đầu vào của Công ty. Do các sản phẩm, dịch vụ công ích thì giá cả sẽ được ban hành bởi Nhà nước nên việc gia tăng trong chi phí đầu vào mà giá chưa được điều chỉnh tăng gây ảnh hưởng đáng kể đến kết quả kinh doanh của Công ty.
- **Rủi ro lãi suất và tỷ giá:** Do Công ty không có giao thương với nước ngoài hay vay nợ nên 2 loại rủi ro này không ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.

Rủi ro khác

Các hiện tượng lũ quét, sạt lở đất và gây lụt là những rủi ro thiên tai, hỏa hạn, cháy nổ, ... Những trường hợp này hiếm khi xảy ra nhưng khi xảy ra sẽ để lại thiệt hại nghiêm trọng về tính mạng và tài sản. Trong năm 2017 là năm của mưa, bão, lũ thiên tai diễn ra hầu hết các vùng miền trên cả nước. Nửa năm cuối, Việt Nam liên tục đón 16 cơn bão và 7 áp thấp nhiệt đới trên biển Đông. Trong đó, cơn bão số 10 và 12 đã ảnh hưởng vào khu vực Bắc Trung Bộ và Nam Trung Bộ, đây là những cơn bão mạnh nhất đổ bộ vào khu vực trong vòng nhiều năm và đã gây thiệt hại nghiêm trọng về người, sản xuất và cơ sở hạ tầng trong khu vực và để lại các hậu quả rất nặng nề. Tuy nhiên, Công ty đã đề phòng bằng cách thường xuyên theo dõi chặt chẽ diễn biến của mưa, bão và tình hình mưa trên địa bàn tỉnh để chủ động bảo vệ người và tài sản, hồ sơ tài liệu không để hư hại, ngập ướt. Bên cạnh đó, Công ty cũng phân bổ nhân lực kiểm tra trang thiết bị, đảm bảo thực hiện nghiêm túc các quy định về an toàn lao động, phòng cháy chữa cháy để có thể xử lý kịp thời khi rủi ro này xảy ra.



2



TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM

TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH

TỔ CHỨC VÀ NHÂN SỰ

TÌNH HÌNH ĐẦU TƯ, THỰC HIỆN CÁC DỰ ÁN

TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

TÌNH HÌNH CỔ ĐÔNG, THAY ĐỔI VỐN ĐẦU TƯ
CỦA CHỦ SỞ HỮU

TRÁCH NHIỆM VỚI MÔI TRƯỜNG VÀ CỘNG ĐỒNG

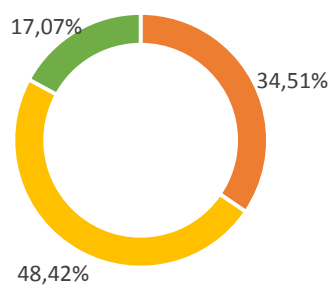


Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh

ĐVT: triệu đồng

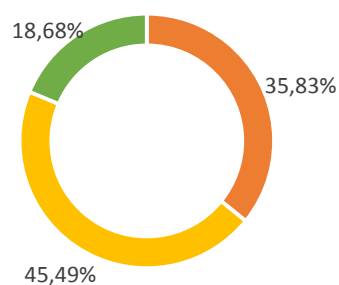
STT	Doanh thu thuần	Năm 2016	Tỷ trọng năm 2016	Năm 2017	Tỷ trọng năm 2017	% tăng (giảm)
1	Doanh thu hoạt động công ích	68.227	34,51%	76.097	35,83%	11,53%
2	Doanh thu theo đơn đặt hàng	95.726	48,42%	96.601	45,49%	0,91%
3	Doanh thu hoạt động dịch vụ khác	33.745	17,07%	39.659	18,68%	17,52%
Tổng cộng		197.698	100,00%	212.357	100,00%	7,41%

Năm 2016



- Doanh thu hoạt động công ích
- Doanh thu theo đơn đặt hàng
- Doanh thu hoạt động dịch vụ khác

Năm 2017



- Doanh thu hoạt động công ích
- Doanh thu theo đơn đặt hàng
- Doanh thu hoạt động dịch vụ khác





Năm tài chính qua, cơ cấu trong doanh thu của Công ty không có sự thay đổi lớn. Mảng doanh thu theo đơn đặt hàng vẫn chiếm tỉ trọng lớn nhất (45,49%). Doanh thu theo đơn đặt hàng bao gồm Doanh thu từ các đơn đặt hàng dịch vụ vệ sinh môi trường đô thị của UBND thành phố Đà Nẵng. Bao gồm: Dịch vụ vệ sinh đường phố, sông Hàn; Dịch vụ tưới nước rửa đường chống bụi; Vệ sinh nghĩa trang Hòa Sơn; Xử lý nước rỉ rác bãi rác Khánh Sơn. Tỷ trọng của hoạt động này luôn chiếm hơn 45% doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ của Công ty.

Theo sau về tỷ trọng là doanh thu hoạt động công ích chiếm 35,83% trong cơ cấu doanh thu, đạt hơn 76 tỷ đồng năm 2017. Doanh thu hoạt động công ích bao gồm Doanh thu từ hoạt động thu gom, vận chuyển rác thải từ các hộ gia đình, tổ chức, đơn vị kinh doanh trên địa bàn thành phố Đà Nẵng.

Ngoài ra, Công ty còn có doanh thu từ các hoạt động dịch vụ khác bao gồm Thu gom, vận chuyển và xử lý rác thải sinh hoạt công nghiệp, rác thải sinh hoạt y tế, chất thải công nghiệp, chất thải hàng hải, chất thải nguy hại, phế thải xây dựng và hầm cầu; Tư vấn lập các hồ sơ, thủ tục dự án trong lĩnh vực môi trường và tư vấn chuyển giao công nghệ sản xuất phân bón hữu cơ vi sinh; Tư vấn thiết kế, xây dựng và đầu tư xây dựng các công trình xử lý chất thải, xử lý môi trường; Sản xuất và cung ứng các sản phẩm hoá, sinh, vi sinh trong xử lý môi trường, chăn nuôi, trồng trọt và nuôi trồng thủy sản; Kinh doanh các loại vật tư, thiết bị, hoá chất, vi sinh và các trang thiết bị liên quan đến lĩnh vực xử lý môi trường.



Tổ chức và nhân sự

Danh sách Ban điều hành

STT	Thành viên	Chức vụ
1	Đặng Đức Vũ	Thành viên HĐQT kiêm Tổng Giám đốc
2	Võ Minh Đức	Thành viên HĐQT kiêm Phó Tổng Giám đốc
3	Trần Văn Tiên	Phó Tổng Giám đốc
4	Phạm Quang Sáng	Phó Tổng Giám đốc
5	Đỗ Văn Tài	Kế toán trưởng

Danh sách thay đổi thành viên HĐQT, BKS, BTGD trong năm 2017

Không có thay đổi.



Ông Đặng Đức Vũ – Thành viên HĐQT, Tổng giám đốc

Ngày sinh: 08/01/1970

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Quê quán: P. Khuê Trung, Q. Cẩm Lệ, TP Đà Nẵng

Trình độ:

- Văn hóa: 12/12
- Chuyên môn: Kỹ sư Cơ khí động lực, Cử nhân Quản trị Kinh doanh
- Ngoại ngữ: Tiếng Anh C
- Lý luận chính trị: Sơ cấp

Ngày vào Đảng Cộng sản: 19/05/2011

Ngày chính thức: 15/05/2012

Chức vụ hiện nay tại công ty: Thành viên Hội đồng Quản trị kiêm Tổng Giám đốc

Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác: Không có

Quá trình công tác:

10/1993 – 12/1999: Phó phòng Kỹ thuật, thiết bị - vật tư Nhà máy Bia Khuê Trung, Công ty thực phẩm Minh Anh, Đà Nẵng.

01/2000 – 01/2005: Phó phòng Kỹ thuật Công ty Môi trường Đô thị Đà Nẵng

02/2005 – 10/2007: Trưởng phòng KHKT Xí nghiệp thoát nước thuộc Công ty Môi trường Đô thị Đà Nẵng.

11/2007 – 02/2010: Phó Giám đốc Xí nghiệp thoát nước thuộc Công ty Quản lý sửa chữa công trình Giao thông và Thoát nước Đà Nẵng

03/2010 – 09/2015: Phó Giám đốc Công ty Thoát nước và Xử lý nước thải Đà Nẵng

10/2015 - nay: Thành viên Hội đồng Quản trị, Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Môi trường Đô thị Đà Nẵng.

Số lượng cổ phần nắm giữ: 988.112 cổ phần, chiếm 17,11% vốn điều lệ, trong đó:

Sở hữu cá nhân: 6.600 cổ phần, chiếm 0,11% vốn điều lệ

Đại diện sở hữu của UBND TP Đà Nẵng: 981.512 cổ phần, chiếm 17% vốn điều lệ

Tỷ lệ sở hữu cổ phần của những người liên quan:

Họ và tên	Quan hệ	Số lượng CP	Tỷ lệ/Vốn điều lệ
Đặng Thị Thu Hà	Vợ	1.000	0,017%



Ông Võ Minh Đức – Thành viên HĐQT, Phó Tổng giám đốc

Ngày sinh: 14/06/1972

Quê quán: P. Hòa Quý, Q. Ngũ Hành Sơn, TP Đà Nẵng

Nơi ở hiện tại: 256/12 Trưng Nữ Vương, Q. Hải Châu, TP. Đà Nẵng

Trình độ:

- Văn hóa: 12/12
- Chuyên môn: Cử nhân Quản trị Kinh doanh
- Ngoại ngữ: Tiếng Anh B
- Lý luận chính trị: Cao cấp

Ngày vào Đảng Cộng sản: 19/05/2008

Ngày chính thức: 19/05/2009

Chức vụ hiện nay tại công ty : Thành viên Hội đồng Quản trị kiêm Phó Tổng Giám đốc

Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác: Không có

Quá trình công tác:

09/1995 – 04/2002: Công tác tại phòng Kế toán Công ty Môi trường Đô thị Đà Nẵng

05/2002 – 04/2005: Đội trưởng Đội Môi trường số 2, Công ty Môi trường Đô thị Đà Nẵng

05/2005 – 07/2005: Phó Giám đốc Trung tâm Dịch vụ vệ sinh đô thị Q. Thanh Khê, Công ty Môi trường đô thị Đà Nẵng

08/2005 – 12/2005: Quyền Giám đốc Trung tâm Dịch vụ vệ sinh đô thị Q. Thanh Khê, Công ty Môi trường đô thị Đà Nẵng

01/2006 – 06/2006: Giám đốc Trung tâm Dịch vụ vệ sinh đô thị Q. Thanh Khê

07/2006 – 06/2011: Giám đốc Xí nghiệp Môi trường Thanh Khê

07/2011 – 09/2015: Đảng ủy viên, Bí thư chi bộ, Trưởng phòng Kế hoạch – Đầu tư Công ty TNHH MTV Môi trường Đô thị Đà Nẵng.

10/2015 - nay: Thành viên Hội đồng Quản trị, Phó Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Môi trường Đô thị Đà Nẵng.

Số lượng cổ phần nắm giữ: 985.412 cổ phần, chiếm 17,068% vốn điều lệ, trong đó:

Sở hữu cá nhân: 3.900, chiếm 0,068% vốn điều lệ

Đại diện sở hữu của UBND TP Đà Nẵng: 981.512 chiếm 17% vốn điều lệ

Tỷ lệ sở hữu cổ phần của những người liên quan: Không có



Ông Trần Văn Tiên – Phó Tổng giám đốc

Ngày sinh: 15/05/1961

Quê quán: Xã Phước Đại, H. Duy Xuyên, Quảng Nam

Nơi ở hiện tại: H9/03 K233 Trưng Nữ Vương, P. Hòa Thuận Đông, Q. Hải Châu, TP Đà Nẵng

Trình độ:

- Văn hóa: 12/12
- Chuyên môn: Cử nhân Quản trị Kinh doanh
- Ngoại ngữ: Tiếng Anh B
- Lý luận chính trị: Sơ cấp

Ngày vào Đảng Cộng sản: 22/05/2008 **Ngày chính thức:** 22/05/2009

Chức vụ đang nắm giữ tại công ty: Phó Tổng Giám đốc

Chức vụ đang nắm giữ ở tổ chức khác: Không

Quá trình công tác

8/1979 – 11/1983: Trung sĩ – Tiểu đội trưởng E810, F342 Quân khu IV.

12/1983 – 5/1985: Học văn hóa, làm thợ tự do.

5/1985 – 10/1989: Cán bộ Phòng Tổ chức Công ty Vệ sinh Đà Nẵng.

10/1986 – 5/1996: Bí thư Đoàn Thanh niên Công sản Hồ Chí Minh, Công ty Vệ sinh Đà Nẵng.

11/1989 – 3/1992: Đội trưởng đội Vệ sinh Môi trường TP Đà Nẵng.

1993 – 2003: Đội trưởng đội Môi trường số 4, Công ty Môi trường Đô thị TP Đà Nẵng.

2003 – 12/2008: Trải qua các chức vụ Phó phòng Kế hoạch, Trưởng phòng KCS Môi trường, Trưởng phòng Kinh doanh, Công ty Môi trường Đô thị TP Đà Nẵng.

01/2009 – 01/2016: Giám đốc Xí nghiệp Xử lý chất thải nguy hại, Công ty TNHH MTV Môi trường Đô thị Đà Nẵng.

01/2016: Phó Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Môi trường Đô thị Đà Nẵng.

Số lượng cổ phần nắm giữ: 4.700 cổ phần, chiếm 0,081% vốn điều lệ.

Sở hữu cá nhân: 4.700 cổ phần, chiếm 0,081% vốn điều lệ

Đại diện sở hữu: 0 cổ phần, chiếm 0% vốn điều lệ

Tỷ lệ sở hữu cổ phần của những người liên quan:

Họ và tên	Quan hệ	Số lượng CP	Tỷ lệ/Vốn điều lệ
Nguyễn Thị Bích Thảo	Vợ	1.600	0,028%



Ông Phạm Quang Sáng – Phó Tổng giám đốc

Ngày sinh: 05/10/1961

Nơi ở hiện tại: 20 Đặng Thai Mai, P. Thạc Gián, Q. Thanh Khê, TP Đà Nẵng

Trình độ:

- Văn hóa: 12/12
- Chuyên môn: Kỹ sư Quản lý doanh nghiệp công nghiệp
- Ngoại ngữ: Tiếng Anh B
- Lý luận chính trị: Cử nhân

Ngày vào Đảng Cộng sản: 24/09/1983 **Ngày chính thức:** 24/09/1984

Chức vụ đang nắm giữ tại công ty: Phó Tổng Giám đốc

Chức vụ đang nắm giữ ở tổ chức khác: Không

Quá trình công tác:

10/1978 – 12/1983: Đi bộ đội tại Huyện đội Quế Sơn, sau đó điều động về D75, học nghiệp vụ thông tin tại đại đội thông tin. Tháng 5/1980 được điều về Ban Thông tin Bộ chỉ huy quân sự tỉnh Quảng Nam – Đà Nẵng. Tháng 5/1983 học sĩ quan dự bị tại Trường Quân chính Quân khu V

01/1984 – 5/1989: Chuyên viên phòng Tổ chức Sở Công nghiệp tỉnh Quảng Nam – Đà Nẵng. Trong thời gian này học tại Trường Đại học Bách Khoa Đà Nẵng (1986 – 1991).

5/1989 – 10/2007: Trưởng phòng Tổ chức Hành chính, Công ty Hữu Nghị Đà Nẵng.

4/2008 – 8/2009: Trưởng phòng Tổ chức Hành chính Công ty Môi trường Đô thị Đà Nẵng.

9/2009 – 1/2016: Trưởng phòng Kinh doanh Công ty TNHH MTV Môi trường Đô thị Đà Nẵng.

1/2016: Phó Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Môi trường Đô thị Đà Nẵng.

Số lượng cổ phần nắm giữ: 3.500 cổ phần, chiếm 0,061% vốn điều lệ.

Sở hữu cá nhân: 3.500 cổ phần, chiếm 0,061% vốn điều lệ

Đại diện sở hữu: 0 cổ phần, chiếm 0% vốn điều lệ

Tỷ lệ sở hữu cổ phần của những người liên quan:

Họ và tên	Quan hệ	Số lượng CP	Tỷ lệ/Vốn điều lệ
Phạm Phúc Ánh	Anh ruột	6.600	0,114%



Ông Đỗ Văn Tài – Kế toán trưởng

Ngày sinh: 30/01/1968

Quê quán: Xã Phú Gia, huyện Mỹ Lộc, tỉnh Nam Định

Nơi ở hiện tại: 126/3 Ông Ích Khiêm, Q. Hải Châu, TP. Đà Nẵng

Trình độ:

- Văn hóa: 12/12
- Chuyên môn: Cử nhân Kế toán, Kỹ sư Điện tử - Tin học
- Ngoại ngữ: Tiếng Anh B
- Lý luận chính trị: Cao cấp

Ngày vào Đảng Cộng sản: 06/12/2008 **Ngày chính thức:** 06/12/2009

Chức vụ đang nắm giữ tại công ty: Kế toán trưởng

Chức vụ đang nắm giữ ở tổ chức khác: Không

Quá trình công tác:

9/1992 – 3/1993: Làm cộng tác viên cho Công ty Dịch vụ Tư vấn Đầu tư Quảng Nam – Đà Nẵng.

4/1994 – 5/2002: Làm kế toán viên và phụ trách kế toán chi nhánh tại Công ty Phát triển và Kinh doanh nhà Quảng Nam – Đà Nẵng.

5/2002 – 6/2005: Kế toán viên tại Công ty Môi trường Đô thị Đà Nẵng.

6/2005 – 6/2010: Phó Trưởng phòng Kế toán – Tài vụ Công ty Môi trường Đô thị Đà Nẵng.

7/2010 – nay: Kế toán trưởng Công ty TNHH MTV Môi trường Đô thị Đà Nẵng, sau này là Công ty Cổ phần Môi trường Đô thị Đà Nẵng.

Số lượng cổ phần nắm giữ: 4000 cổ phần, chiếm 0,069% vốn điều lệ.

Sở hữu cá nhân: 4.000 cổ phần, chiếm 0,069% vốn điều lệ

Đại diện sở hữu: 0 cổ phần, chiếm 0% vốn điều lệ



Số lượng cán bộ nhân viên

Cơ cấu lao động

STT	Tính chất phân loại	Số lượng (người)	Tỷ lệ
A	Theo trình độ	1.248	100
1	Trên đại học	3	0,24
2	Đại học, Cao đẳng	205	16,43
3	Trung cấp	40	3,21
4	CNKT	43	3,45
5	Lao động phổ thông	957	76,68
B	Theo tính chất hợp đồng lao động	1.248	100
1	Hợp đồng không thời hạn	973	77,96
2	Hợp đồng thời vụ (dưới 1 năm)	-	-
3	Hợp đồng xác định từ 1-3 năm	275	22,04
C	Theo giới tính	1.248	100
1	Nam	700	56,09
2	Nữ	548	43,91

Thu nhập bình quân

Thu nhập bình quân (triệu/người/tháng)	Thực hiện 2016	Kế hoạch 2017	Thực hiện 2017	TH/KH (%)
Bình quân toàn Công ty	5,45	5,8	6,00	103,45
- Lao động gián tiếp	5,8	5,9	6,64	112,5
- Lao động trực tiếp	5,2	5,3	5,8	109,4

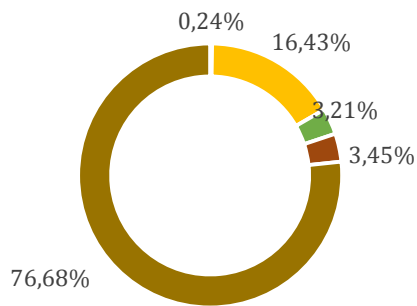


Thu nhập bình quân người lao động thực hiện năm 2017 đạt 6,00 triệu đồng/ người/tháng, tăng so với kế hoạch 103,45%, tăng so với thực hiện năm 2016 là 10,1%; trong đó:

- Lao động gián tiếp là 6,64 triệu đồng/tháng; tăng so với kế hoạch 12,5 %, tăng so với năm 2016 là 14,49%.
- Lao động trực tiếp là 5,8 triệu đồng/tháng; tăng so với kế hoạch 9,44 %, tăng so với năm 2016 là 11,54%.

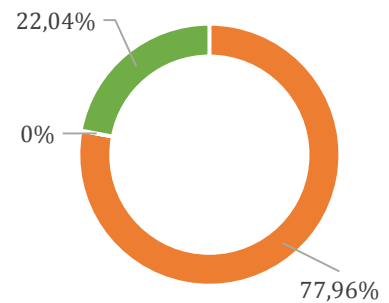
Cơ cấu người lao động

Theo trình độ



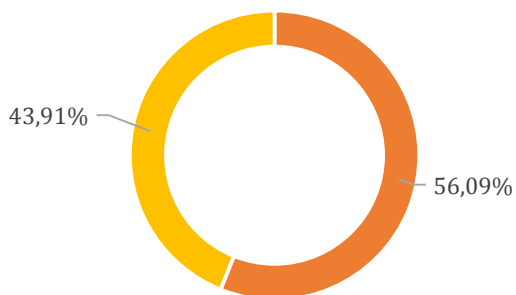
- Trên đại học
- Đại học, Cao đẳng
- Trung cấp
- CNKT
- Lao động phổ thông

Theo tính chất hợp đồng lao động



- Hợp đồng không thời hạn
- Hợp đồng thời vụ (dưới 1 năm)
- Hợp đồng xác định từ 1-3 năm

Theo giới tính



- Nam
- Nữ

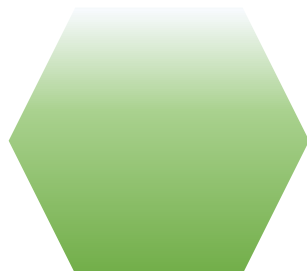


Chính sách đối với người lao động

Về đào tạo

Hằng năm dựa trên nhu cầu sản xuất kinh doanh, Công ty thường xuyên tổ chức các khóa tập huấn, đào tạo nhằm nâng cao kỹ năng làm việc của người lao động. Trong năm 2017, Công ty đã tổ chức tập huấn công tác soạn thảo văn bản hành chính, tập huấn về phần mềm quản lý thu và hóa đơn điện tử, tập huấn công tác thu cho nhân viên thu, tập huấn nghiệp vụ cho công nhân theo xe vận chuyển rác.

Bên cạnh đó, phối hợp với các đơn vị liên quan nhằm gia tăng chất lượng đào tạo như: Phối hợp với Trung tâm Kỹ thuật Tiêu chuẩn Đo lường chất lượng 2 (QUATEST 2) đào tạo về Hệ thống quản lý môi trường theo ISO 14001:2015 và Hệ thống quản lý chất lượng theo ISO 9001:2015; Phối hợp với Liên đoàn Lao động TP Đà Nẵng và Bảo hiểm xã hội TP Đà Nẵng tổ chức tuyên truyền pháp luật năm 2017 liên quan đến lao động, tiền lương, chế độ bảo hiểm. Đội ngũ nhân viên các phòng, ban cũng thường xuyên được cử đi học các khóa nghiệp vụ, tham dự các buổi hội thảo nhằm đáp ứng yêu cầu ngày càng cao trong công tác chuyên môn.



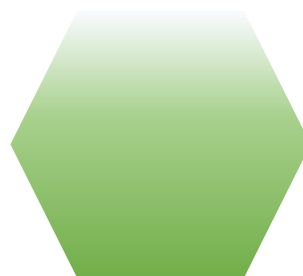


Về tuyển dụng

Về tình giảm lao động gián tiếp, năm 2017 Công ty đã vận động nghỉ việc và chuyển sang lao động trực tiếp 36/50 người, đạt 72% kế hoạch.

Về lương, thưởng, phúc lợi, đãi ngộ

- Thu nhập bình quân người lao động thực hiện năm 2017 đạt 6,00 triệu đồng/ người/tháng, tăng so với kế hoạch 103,45%, tăng so với thực hiện năm 2016 là 10,1%; trong đó:
 - + Lao động gián tiếp là 6,64 triệu đồng/tháng; tăng so với kế hoạch 12,5 %, tăng so với năm 2016 là 14,49%.
 - + Lao động trực tiếp là 5,8 triệu đồng/tháng; tăng so với kế hoạch 9,44 %, tăng so với năm 2016 là 11,54%
- Thực hiện tốt công tác tuyên truyền, giải quyết đầy đủ các chế độ chính sách về tiền lương, tiền thưởng, bảo hiểm, khám sức khỏe, bảo hộ lao động cho người lao động. Đặc biệt, trong năm 2017, đã tiến hành rà soát, chỉnh sửa, bổ sung hồ sơ bảo hiểm xã hội cho hơn 1.300 người lao động Công ty. Việc bàn giao sổ BHXH sẽ tiếp tục được thực hiện trong năm 2018.



Tình hình đầu tư, thực hiện dự án

Tình hình chung

Công ty đã hoàn thành công tác quyết toán các công trình xây dựng cơ bản thực hiện cuối năm 2016 như đường vào bãi rác, tường rào cổng ngõ bãi rác. Trong năm 2017, Công ty đã hoàn hành mua sắm đưa vào phục vụ sản xuất:

- 06 xe cuốn ép vận chuyển rác 4,5 tấn.
- 04 xe tải thu gom rác phục vụ Đề án cơ giới hóa loại 400 đến 800 kg.
- 15 xe ba gác thu gom rác hoạt động bằng điện.
- 01 thùng rác 240 lít, 200 thùng rác 660 lít và 100 xe thu rác ba bánh dung tích 660 lít.
- 01 xe ủi Công ty đã chọn được nhà cung cấp và sẽ đưa vào sử dụng vào năm 2018.

Hạng mục xây dựng

Nâng cấp các văn phòng làm việc cũng như các công trình phục vụ sản xuất trong năm 2017 chỉ triển khai sửa chữa nâng cấp trạm trung chuyển rác theo giờ Hòa Cường, trạm trung chuyển rác Nguyễn Đức Trung và sửa chữa sơn vôi nhà làm việc Xí nghiệp Sơn Trà.

Các công trình xây nhà làm việc Xí nghiệp Hải Châu 2, nâng cấp sửa chữa văn phòng Công ty còn đang vướng thủ tục pháp lý, chưa triển khai được.

Nhìn chung, các dự án đầu tư, mua sắm trên về cơ bản triển khai thực hiện đúng quy trình, quy định.



Tình hình tài chính

ĐVT: Triệu đồng

Chỉ tiêu	Năm 2016	Năm 2017	% 2017/2016
Tổng tài sản	163.797	135.964	83,01%
Doanh thu thuần	197.698	212.357	107,41%
Giá vốn bán hàng	179.082	193.811	108,22%
Chi phí tài chính	-	-	-
Chi phí bán hàng	-	33,73	-
Chi phí quản lý doanh nghiệp	10.946	10.582	96,67%
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	8.428	8.019	95,15%
Lợi nhuận trước thuế	8.443	8.290	98,19%
Lợi nhuận sau thuế	7.388	7.360	99,62%
Lãi cơ bản trên cổ phiếu (đồng)	1.266	1.275	100,71%

Nguồn: Số liệu Báo cáo tài chính kiểm toán năm 2017 của CTCP Môi trường Đô thị Đà Nẵng.

Đến thời điểm hiện tại vẫn chưa có Nghị quyết về mức cổ tức năm 2016.

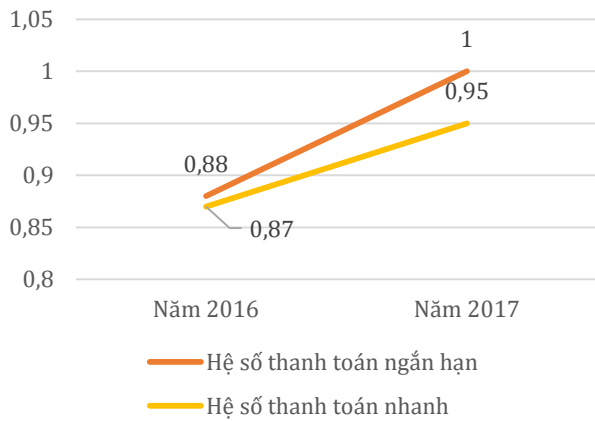


Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu

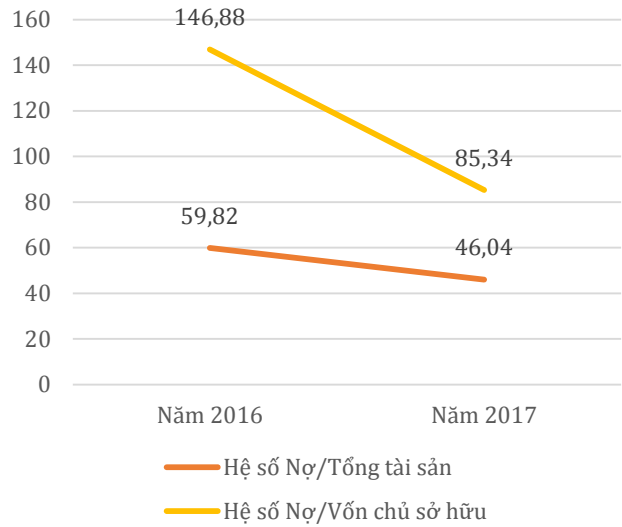
Chỉ tiêu	ĐVT	Năm 2016	Năm 2017
Chỉ tiêu về khả năng thanh toán			
Hệ số thanh toán ngắn hạn	Lần	0,88	1,00
Hệ số thanh toán nhanh	Lần	0,87	0,95
Chỉ tiêu về cơ cấu vốn			
Hệ số Nợ/Tổng tài sản	%	59,82	46,04
Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu	%	148,88	85,34
Chỉ tiêu về năng lực hoạt động			
Vòng quay hàng tồn kho	Vòng	168,05	98,67
Vòng quay tổng tài sản	Vòng	1,25	1,42
Chỉ tiêu về khả năng sinh lời			
Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	%	3,74	3,47
Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu bình quân	%	11,64	10,58
Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản bình quân	%	4,68	4,91
Hệ số Lợi nhuận từ hoạt động sản xuất kinh doanh/ Doanh thu thuần	%	4,26	3,78



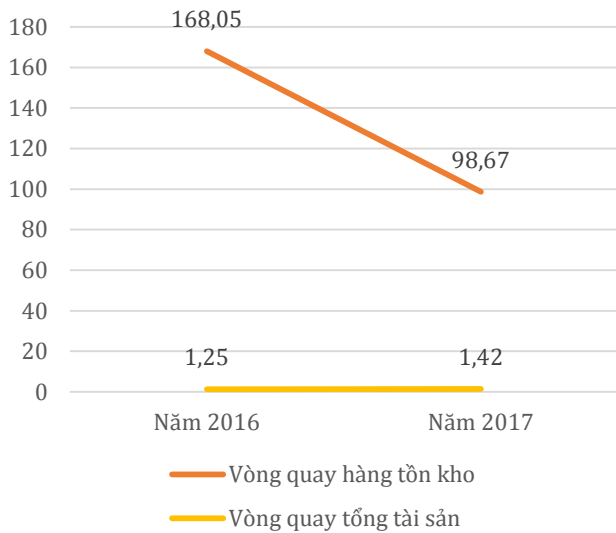
Khả năng thanh toán



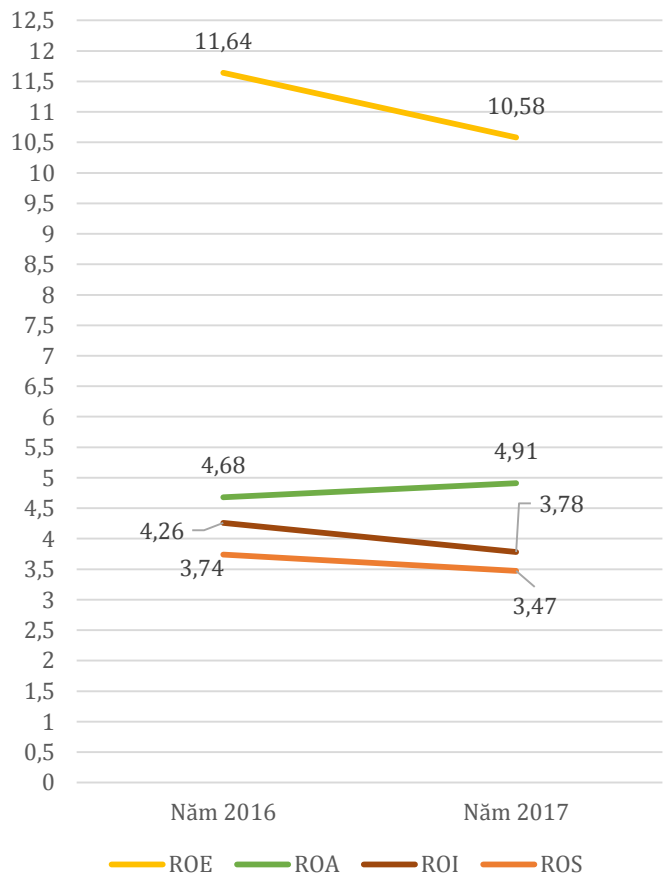
Cơ cấu vốn



Cơ cấu vốn



Khả năng sinh lời



Tình hình cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu

Cổ phần

- Cổ phần phổ thông: 5.773.600 cổ phần
- Cổ phần ưu đãi: 0 cổ phần
- Số lượng cổ phần đang lưu hành: 5.773.600 cổ phần
- Cổ phiếu quỹ: 0 CP
- Mệnh giá: 10.000 VNĐ
- Số lượng cổ phần hạn chế chuyển nhượng: 1.117.282 CP (19,35% Vốn điều lệ Công ty)

Cơ cấu cổ đông năm (đến ngày 05/04/2018)

STT	Loại cổ đông	Số lượng	Số cổ phiếu	Tỷ lệ sở hữu/VĐL
I	Cổ đông trong nước	946	5.773.600	100,00%
1	Cổ đông tổ chức	2	3.716.523	64,37%
2	Cổ đông cá nhân	944	2.057.077	35,63%
II	Cổ đông nước ngoài	-	-	-
1	Cổ đông tổ chức	-	-	-
2	Cổ đông cá nhân	-	-	-
III	Cổ phiếu quỹ	-	-	-
Tổng cộng		946	5.773.600	100,00%

Tình hình thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu: không có

Giao dịch cổ phiếu quỹ: không có

Các chứng khoán khác: không có





Trách nhiệm đối với môi trường và cộng đồng

Quản lý nguồn nguyên vật liệu

Công ty luôn sử dụng nguồn vật liệu theo đúng quy định, đúng chỉ tiêu theo từng hạng mục, đảm bảo về số lượng và chất lượng.

Tuân thủ pháp luật về bảo vệ môi trường

Công ty đặt mục tiêu bảo vệ môi trường lên hàng đầu, luôn tuân thủ nghiêm ngặt các quy định giữ gìn và bảo vệ môi trường. Trong quá trình thu gom vận chuyển rác thải, nếu phát hiện các đơn vị, cơ sở sản xuất trong địa bàn thành phố vi phạm các quy định về xả rác thải, gây ô nhiễm môi trường kịp thời có thông tin báo cáo về cấp trên xử lý đúng quy định.

Chính sách liên quan đến người lao động

Bên cạnh các chế độ về tiền lương, thưởng Công ty vẫn thực hiện các chế độ theo quy định khác như: Nộp tiền kinh phí Công đoàn, bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y thai sản, tiền bảo hiểm con người khi có ốm đau tai nạn, tiền trợ cấp thôi việc, tiền ăn giữa ca, chế độ bảo hộ lao động, bồi dưỡng hiện vật, tiền hỗ trợ đám tang, hiếu hỷ....

Ngoài ra Công ty còn tổ chức tham quan, du lịch các tỉnh miền Tây; Tổ chức các hoạt động văn hóa, thể thao nhân các ngày lễ lớn: Hội thi chào mừng Ngày Quốc tế Phụ nữ 08/3, Giải bóng đá mini truyền thống Công ty.

- Trao quà cho các cháu thiếu nhi là con của người lao động Công ty có nỗ lực vượt khó đạt thành tích cao trong học tập.
- Tham mưu UBND thành phố Đà Nẵng hỗ trợ người lao động trong dịp Tết Âm lịch Mậu Tuất 2018. Đồng thời Công ty cũng dành sự quan tâm, chăm lo đặc biệt đến đời sống vật chất và tinh thần cho người lao động khi chủ động phối hợp với nhiều cá nhân, đơn vị tổ chức tặng quà, người lao động Công ty, đặc biệt là những lao động có hoàn cảnh khó khăn trong thời điểm trước Tết Mậu Tuất 2018.
- Thực hiện tốt công tác tuyên truyền, giải quyết đầy đủ các chế độ chính sách về tiền lương, tiền thưởng, bảo hiểm, khám sức khỏe, bảo hộ lao động cho người lao động. Đặc biệt, trong năm 2017, đã tiến hành rà soát, chỉnh sửa, bổ sung hồ sơ bảo hiểm xã hội cho hơn 1.300 người lao động Công ty. Việc bàn giao sổ BHXH sẽ tiếp tục được thực hiện trong năm 2018.

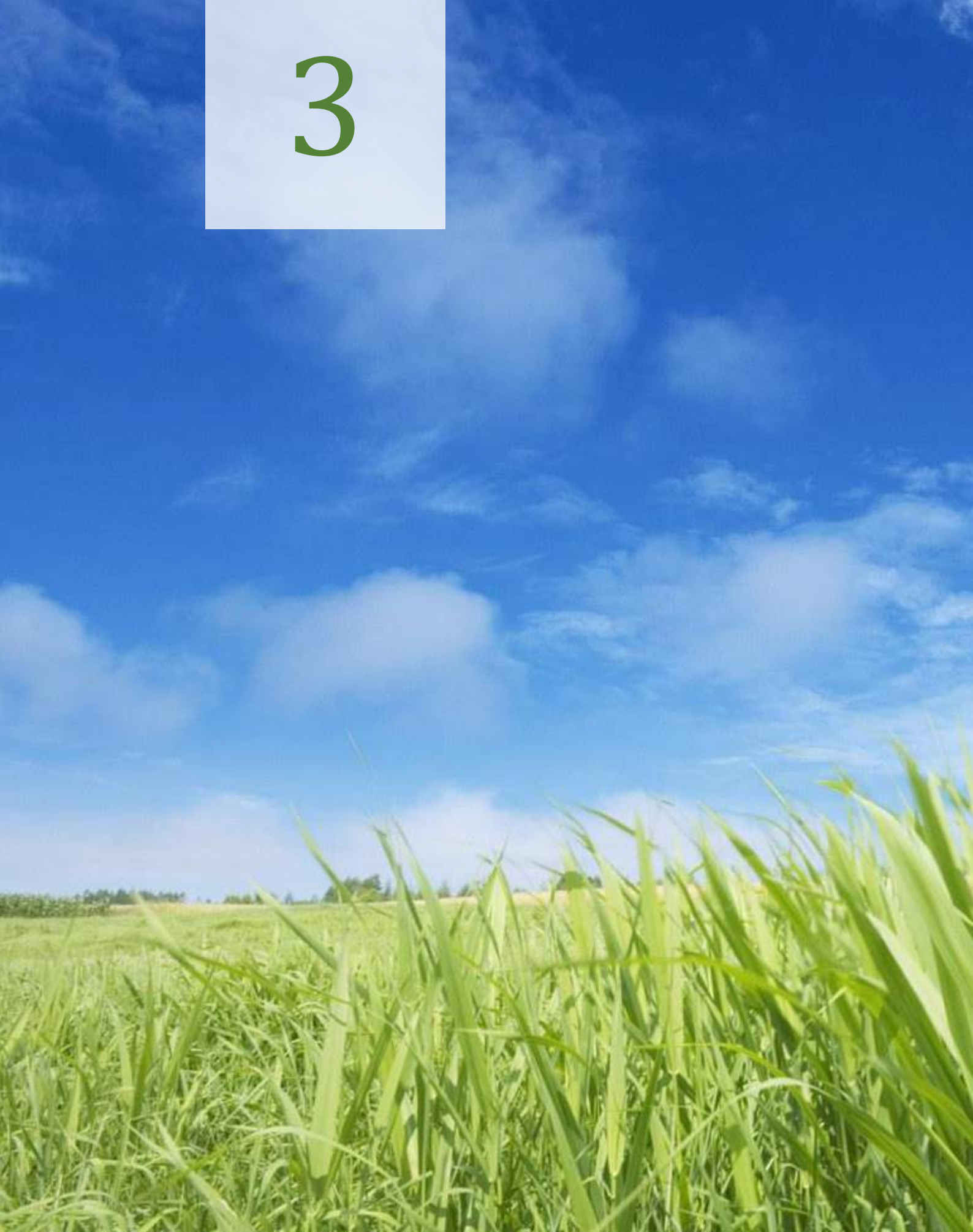


Báo cáo liên quan đến trách nhiệm đối với cộng đồng địa phương

- Hỗ trợ phương tiện, nhân lực phục vụ công tác tổng dọn vệ sinh môi trường hưởng ứng ngày Chủ nhật Xanh – Sạch – Đẹp trên địa bàn thành phố.
- Hưởng ứng, tham gia cuộc vận động “Mỗi tổ chức, mỗi cá nhân gắn với một địa chỉ nhân đạo” do Trung ương Hội Chữ thập đỏ Việt Nam phát động. Theo đó, Công ty hỗ trợ cho một địa chỉ nhân đạo với mức tiền là 2 triệu đồng/năm trong vòng 2 năm.
- Tổ chức quyên góp, ủng hộ người lao động Công ty Cổ phần Đô thị Ninh Hòa (Khánh Hòa) khắc phục hậu quả của cơn bão số 12 – Damrey với số tiền 10 triệu đồng.



3



BÁO CÁO BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ SẢN XUẤT KINH DOANH

TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

NHỮNG CẢI TIẾN VỀ CƠ CẤU TỔ CHỨC VÀ
CHÍNH SÁCH QUẢN LÝ

KẾ HOẠCH PHÁT TRIỂN TRONG TƯƠNG LAI

BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ LIÊN QUAN ĐẾN TRÁCH
NHIỆM VỀ MÔI TRƯỜNG VÀ XÃ HỘI



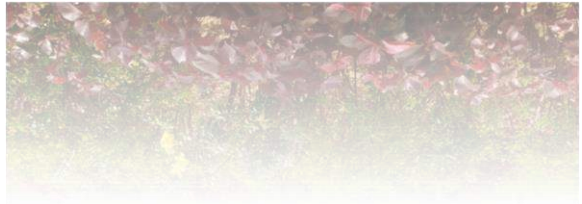
Đánh giá kết quả sản xuất kinh doanh

Trong năm 2017, Công ty tiếp tục thực hiện vệ sinh môi trường đô thị theo phương thức đặt hàng, thu gom rác thải theo giờ; Triển khai bổ sung khối lượng thực hiện vệ sinh môi trường đô thị trên một số địa bàn; Nâng cao chất lượng phục vụ vệ sinh đường phố, khu dân cư, sông biển theo các tiêu chí “Thành phố Môi trường”

Chỉ tiêu	Thực hiện	Kế hoạch	Thực hiện	TH/KH
	2016	2017	2017	(%)
Khối lượng rác thu gom (tấn)	274.065	285.028	334.266	117,3

- Khối lượng rác thu gom thực hiện trong năm 2017 là 334.266 tấn đạt so với kế hoạch là 117,3%, bình quân khối lượng rác thu gom là 920 tấn/ngày, tăng so với năm 2016 là 21,97%.
- Tham gia tốt trong lĩnh vực liên quan đến Công ty đối với các phong trào bảo vệ môi trường cũng như phục vụ công tác vệ sinh môi trường các sự kiện chính trị, văn hóa diễn ra trên địa bàn thành phố. Đặc biệt là các sự kiện lớn như: Lễ hội Pháo hoa Quốc tế Đà Nẵng DIFF 2017 từ tháng 4 đến tháng 6/2017 và Tuần lễ cấp cao APEC 2017 diễn ra đầu tháng 11/2017. Hai sự kiện trên diễn ra trong một thời gian dài, có yêu cầu cao về chất lượng công tác vệ sinh môi trường và cũng chịu ảnh hưởng lớn về điều kiện thời tiết khắc nghiệt (ảnh hưởng của bão Damrey trước khi diễn ra Tuần lễ cấp cao APEC 2017). Nhưng với tinh thần nhiệt huyết, trách nhiệm tập thể cán bộ, nhân viên Công ty đã hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ, được bạn bè quốc tế đánh giá cao và được các cấp chính quyền thành phố ghi nhận và tặng bằng khen.
- Tiếp tục triển khai thực hiện thu gom rác theo giờ các Quận của thành phố. Đồng thời triển khai thí điểm cơ giới hóa công tác thu gom rác thải trên địa bàn phường Hòa Cường Bắc và phường Hòa Thuận Tây, thuộc Quận Hải Châu.
- Phối hợp với các Sở ngành liên quan xây dựng trình UBND thành phố phê duyệt ban hành đơn giá vệ sinh đô thị áp dụng định mức mới theo quyết định số 6672/QĐ-UBND ngày 28/11/2017.
- Tiếp tục tiến hành xử lý rác thải tại bãi rác cũng như xử lý nước rỉ rác tại bãi rác Khánh Sơn nhằm đảm bảo an ninh môi trường tại khu vực này.





Thuận lợi

- Đà Nẵng là địa phương điển hình trong cả nước có định hướng xây dựng thương hiệu môi trường khi UBND TP đã ban hành Đề án “Xây dựng Đà Nẵng - Thành phố môi trường” đến năm 2020. Đề án đặt ra nhiều tiêu chí trong đó có quản lý chất thải rắn. Bên cạnh đó, thành phố cũng hướng đến phát triển thành phố du lịch gắn với các sự kiện văn hóa lễ hội mang tính chất quốc tế. Do đó, yếu tố vệ sinh môi trường đô thị luôn được các cấp chính quyền thành phố quan tâm và chỉ đạo sâu sát. Đây là thuận lợi to lớn của Công ty khi có được môi trường để phát triển các hoạt động kinh doanh nhờ sự quan tâm đầu tư thêm các cơ sở hạ tầng, trang thiết bị liên quan đến môi trường.
- Công ty có bề dày hơn 40 năm hình thành và phát triển, có sự ổn định trong tổ chức hoạt động kinh doanh. Hơn nữa là đội ngũ CB.CNV có tay nghề, có trình độ chuyên môn, kinh nghiệm trong công tác khi đã phục vụ công tác vệ sinh môi trường cho thành phố và các sự kiện mang tầm quốc tế trong một thời gian dài. Cùng với đó là tinh thần trách nhiệm, năng động, sáng tạo, đoàn kết, giúp đỡ lẫn nhau góp phần thúc đẩy Công ty vượt qua nhiều khó khăn, thách thức trong nhiều thời kỳ.
- Công ty đã triển khai thực hiện Hệ thống quản lý tích hợp môi trường và chất lượng theo tiêu chuẩn ISO 9001:2015 và ISO 14001:2015. Việc áp dụng các tiêu chuẩn này nhằm mục đích đưa ra cho Công ty một khuôn khổ để bảo vệ môi trường và ứng phó với các điều kiện môi trường biến đổi cân bằng với các nhu cầu về kinh tế - xã hội. Đây là lợi thế của Công ty so với những Công ty khác trên thị trường dịch vụ vệ sinh môi trường đô thị.



Khó khăn

- Đà Nẵng là thành phố trọng điểm của khu vực miền Trung và còn đang trong quá trình mở rộng về cơ sở hạ tầng cũng như dân số, đặc biệt là các khu vực phía nam và phía tây bắc. Do đó áp lực về chất lượng, khối lượng công việc ngày càng tăng khi Công ty đang triển khai hoạt động phục vụ trên một địa bàn rộng lớn, trải dài khắp các quận, huyện. Bên cạnh đó, ô nhiễm công nghiệp đang là thách thức, là bài toán nan giải với các đô thị lớn không chỉ riêng thành phố Đà Nẵng.
- Năm 2018, phương thức triển khai thực hiện công tác vệ sinh môi trường đô thị trên địa bàn thành phố có nhiều thay đổi. Theo Kế hoạch số 1131/KH-UBND ngày 12/02/2018, thành phố đã tạm giao khối lượng và mức kinh phí để các quận, huyện trên địa bàn thành phố quản lý, giám sát quá trình thực hiện dịch vụ vệ sinh môi trường đô thị. Việc phân cấp cho các quận, huyện khiến cho việc xây dựng quy trình tổ chức thực hiện khó khăn hơn do Công ty phải làm việc với nhiều đầu mối, không như những năm trước là làm việc với một đầu mối duy nhất là Sở Tài nguyên và Môi trường. Bên cạnh đó, đặc thù yêu cầu của mỗi quận huyện đối với công tác vệ sinh môi trường cũng khác nhau và có nhiều thay đổi. Một sự thay đổi quan trọng về chính sách của cơ quan quản lý là đơn giá tối đa đối với dịch vụ thu gom, vận chuyển rác thải. Đơn giá mới có mức tăng bình quân 4.450 đồng/hộ/tháng sẽ là áp lực không nhỏ đối với Công ty trong quá trình nâng cao chất lượng dịch vụ để đảm bảo nguồn thu theo kế hoạch đã đề ra.
- Mặc dù các cấp chính quyền thành phố đã tăng cường công tác tuyên truyền về vệ sinh đô thị, bảo vệ môi trường nhằm hướng đến xây dựng thành phố văn minh, môi trường nhưng một bộ phận người dân vẫn chưa có ý thức chưa tốt. Điều này gây ảnh hưởng không nhỏ đến hoạt động sản xuất, kinh doanh của Công ty khi phải tốn thêm thời gian, chi phí thu dọn nhằm tránh gây mất mỹ quan đô thị.
- Mặc dù trong năm 2017, Công ty đã tăng cường đầu tư cho phương tiện vận chuyển nhưng hiện tại các thiết bị xe chuyên dùng như xe vận tải, xe ép rác vừa thiếu, vừa xuống cấp nghiêm trọng, chưa đáp ứng được công tác thu gom rác thải trên địa bàn thành phố trong trường hợp có sự cố đột xuất về ô nhiễm môi trường. Phương tiện vận chuyển thiếu cũng ảnh hưởng lớn đến việc cơ giới hóa công tác thu gom rác khi hiện nay tỷ lệ thu gom rác bằng phương tiện cơ giới chỉ ước đạt 30%.



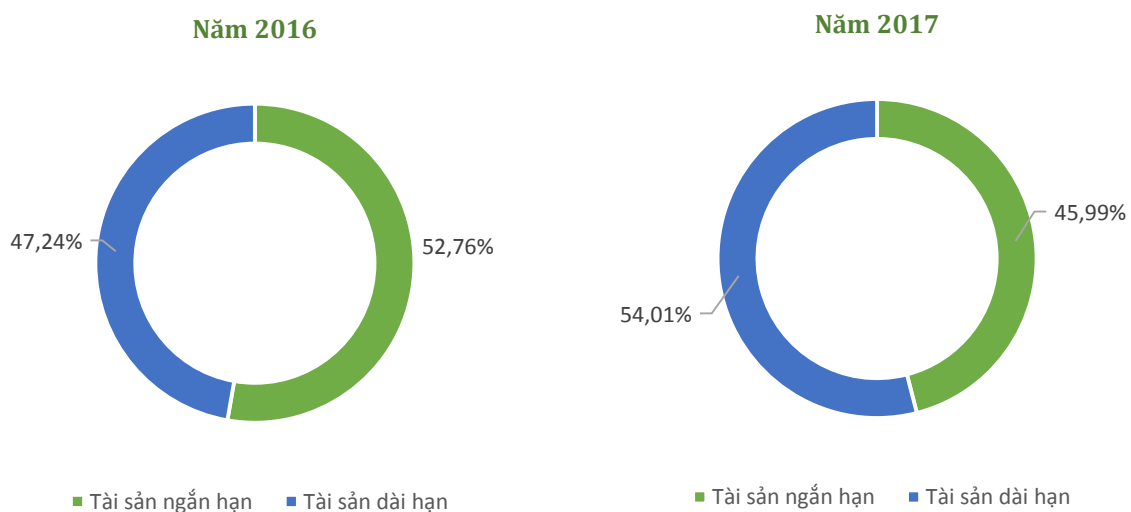
Tình hình tài chính

Tình hình tài sản

ĐVT: Triệu đồng

Chỉ tiêu	Năm 2016	Năm 2017	%Tăng/Giảm 2017/2016	Tỷ trọng năm 2016	Tỷ trọng năm 2017
Tài sản ngắn hạn	86.419	62.530	-27,64%	52,76%	45,99%
Tài sản dài hạn	77.378	73.434	-5,10%	47,24%	54,01%
Tổng tài sản	163.797	135.964	-16,99%	100,00%	100,00%

Nguồn: Số liệu Báo cáo tài chính kiểm toán năm 2017 của CTCP Môi trường Đô thị Đà Nẵng.



Xét về cơ cấu tài sản trong năm 2017, tỉ trọng đóng góp trong cơ cấu tài sản ngắn hạn và dài hạn không quá khác biệt lớn. Tài sản ngắn hạn trong năm 2017 là 62.530 triệu đồng chiếm tỷ trọng 45,99%. Đóng góp lớn trong tài sản ngắn hạn là khoản tiền gửi ngân hàng hơn 30.396 triệu đồng. Tuy nhiên, số dư tài khoản tiền gửi số tiền 2.449.706.342 đồng tại Ngân hàng Liên doanh Việt Nga – CN Đà Nẵng là tài khoản phong tỏa phục vụ cho việc thu tiền từ cổ phần hóa, Công ty không được sử dụng số tiền này. Chi tiết cho khoản tiền gửi tại ngày 31/12/2017:

ĐVT: Đồng

Khoản tiền gửi	Giá trị
Ngân hàng Nông nghiệp và PTNT VN - CN Tân Chính	869.100
Ngân hàng Nông nghiệp và PTNT VN - CN Đà Nẵng	10.515.251.263
Ngân hàng TMCP Đông Á - PGD Hòa Cường	9.944.420.562
Ngân hàng Liên doanh Việt Nga - CN Đà Nẵng	6.784.224.680
Ngân hàng TMCP ĐT&PT VN - Chi nhánh Sông Hàn	3.151.185.829
Tổng cộng	30.395.951.434

Tài sản dài hạn chủ yếu đến từ khoản mục tài sản cố định. Cụ thể như sau:

ĐVT: Đồng

Tài sản cố định hữu hình	Nguyên giá	Giá trị còn lại	Giá trị còn lại/ Nguyên giá
Nhà cửa, vật kiến trúc	84.378.077.016	37.980.100.758	45,01%
Máy móc thiết bị	2.982.003.544	1.219.095.301	40,88%
Phương tiện vận tải truyền dẫn	63.952.950.285	24.840.611.329	38,84%
Thiết bị, dụng cụ quản lý	93.149.363	49.183.182	52,80%
Cộng	151.406.180.208	64.088.990.570	42,33%
Tài sản cố định vô hình	Nguyên giá	Giá trị còn lại	Giá trị còn lại/ Nguyên giá
Phần mềm máy tính	123.000.000	31.302.233	25,45%
Cộng	123.000.000	31.302.233	25,45%

Nguồn: Số liệu Báo cáo tài chính kiểm toán năm 2017 của CTCP Môi trường Đô thị Đà Nẵng.

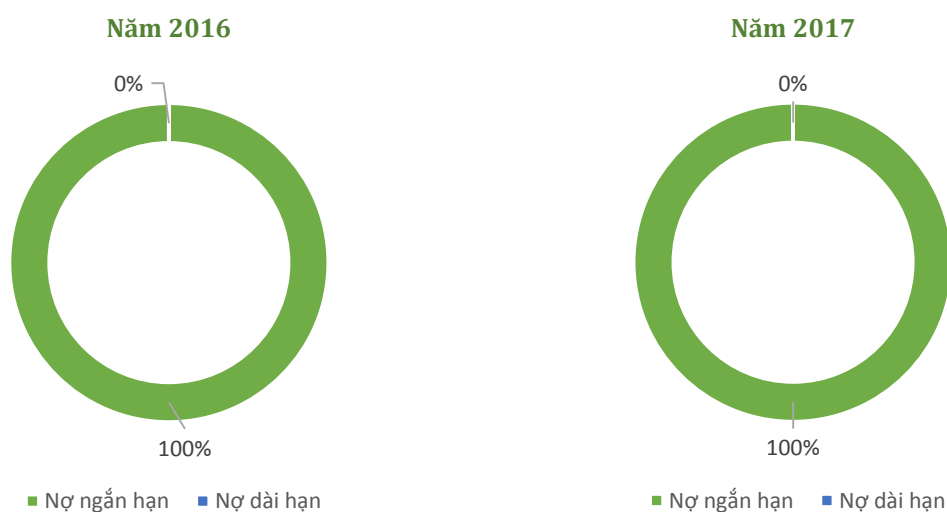


Tình hình nợ phải trả

ĐVT: Triệu đồng

Chỉ tiêu	Năm 2016	Năm 2017	% Tăng/Giảm 2017/2016	Tỷ trọng năm 2016	Tỷ trọng năm 2017
Nợ ngắn hạn	97.984	62.603	-36,11%	100%	100%
Nợ dài hạn	-	-	-	-	-
Tổng nợ phải trả	97.984	62.603	-36,11%	100%	100%

Nguồn: Số liệu Báo cáo tài chính kiểm toán năm 2017 của CTCP Môi trường Đô thị Đà Nẵng.



Nợ ngắn hạn chiếm 100% trong cơ cấu nợ phải trả của Công ty. Tổng nợ phải trả năm 2017 sụt giảm mạnh 36,11%, đạt 62,603 tỷ đồng. Trong tổng số Quỹ khen thưởng phúc lợi bao gồm khoản chi vượt (âm) quỹ phúc lợi trong giai đoạn trước cổ phần hóa là (4.155.330.823) đồng. Cho đến thời điểm hiện nay, do chưa có nguồn để bù đắp nên Công ty trình bày số âm khoản chi trên tại khoản mục Quỹ khen thưởng, phúc lợi.





Những cải tiến về cơ cấu tổ chức và chính sách quản lý

Tiếp tục hoàn thiện, ban hành các quy chế nội bộ liên quan đến hoạt động sản xuất kinh doanh, làm cơ sở để đẩy mạnh hiệu quả quản lý doanh nghiệp và hiệu quả hoạt động kinh doanh. Trong đó, Công ty đã ban hành Quy chế sửa chữa tài sản thiết bị, phương tiện vận chuyển; Quy định Quản lý đầu tư mua sắm. Đặc biệt là Công ty đã xây dựng và trình UBND thành phố ban hành Quy chế hoạt động của người đại diện vốn nhà nước tại Công ty Cổ phần Môi trường Đô thị Đà Nẵng theo Quyết định số 7199/QĐ-UBND ngày 26/12/2017.

Triển khai xây dựng Đề án tái cơ cấu các đơn vị trực thuộc Công ty theo hướng đánh giá, sắp xếp lại lao động gián tiếp và sáp nhập các đơn vị trực thuộc.

Công ty cũng thực hiện mở rộng Hệ thống quản lý tích hợp môi trường và chất lượng theo TCVN ISO 14001:2015 và TCVN ISO 9001:2015. Phối hợp với Trung tâm kiểm định chất lượng 2 Công ty đã từng bước chỉnh sửa và hoàn thiện nội dung một số quy trình đã có. Đồng thời xây dựng mới một số quy trình thuộc danh mục tài liệu của hệ thống như: Quy trình Lập và quản lý công tác kế hoạch; Quy trình Xác định và tiếp cận các nghĩa vụ tuân thủ; Quy trình Mua hàng; Quy trình Xác định, đánh giá rủi ro; Quy trình Tiếp nhận, giải quyết thông tin phản ánh/khiếu nại và đánh giá sự hài lòng của khách hàng.

Thực hiện điều chỉnh và bổ sung một số định mức kinh tế, kỹ thuật. Cụ thể điều chỉnh định mức nhân công đối với hạng mục theo xe nâng thùng bên đường, theo xe cuốn ép trực tiếp. Thực hiện bổ sung định mức công nhân thực hiện các công việc liên quan đến thu gom rác thải bằng xe 400kg và 800kg.





Kế hoạch phát triển trong tương lai

Kế hoạch cơ cấu doanh thu 2018

STT	Lĩnh vực hoạt động	Doanh thu (tỷ đồng)
1	Doanh thu đặt hàng	102,7
2	Doanh thu ngoài đặt hàng (các sự kiện lễ hội, tổng dọn...)	1
3	Thu tiền rác thải	90,2
4	Kinh doanh dịch vụ	41
Tổng cộng		234,9

Nhiệm vụ trọng tâm 2018

- Triển khai thực hiện công tác cơ giới hóa thu gom rác thải đạt 50% trên tổng lượng rác thải thu gom trên toàn địa bàn thành phố (hiện tại đạt khoảng 30%).
- Tập trung phục tốt công tác vệ sinh tại các sự kiện lễ hội được tổ chức trên địa bàn thành phố trong năm; Duy trì và đảm bảo tốt an ninh môi trường bãi rác Khánh Sơn thuộc Công ty đảm nhận quản lý vận hành.
- Thực hiện tái cơ cấu Công ty theo tinh thần chỉ đạo của UBND thành phố đồng thời tiếp tục lộ trình tinh giản lao động gián tiếp, sắp xếp lại bộ máy đơn vị trực thuộc theo hướng tinh gọn, hiệu quả mà Nghị quyết ĐHCĐ lần đầu đề ra.
- Triển khai kịp thời và đảm bảo tiến độ các công việc mà UBND thành phố giao thường xuyên cũng như đột xuất.

2018



Kế hoạch đầu tư

Mua sắm phương tiện

Để thực hiện thay thế các xe vận chuyển rác đã cũ và có thời hạn khám lưu hành thấp, trong năm 2018 Công ty có kế hoạch mua mới bổ sung 08 xe vận chuyển rác các loại. Trong đó có 02 xe xuồng loại 5m³ và 06 xe ép rác loại 7 tấn. Việc tăng cường đầu tư cho phương tiện là nhằm thay thế xe đã cũ, bổ sung năng lực vận chuyển rác thải công kênh, xà bần và đảm bảo được việc vận chuyển khối lượng rác tăng do cơ học).

Bên cạnh đó, Công ty cần đầu tư mua mới 10 xe tải thu gom rác loại 800kg. Việc đầu tư nhằm tăng tỷ lệ thu gom rác thải bằng cơ giới, thay thế lao động thủ công để thu gom lượng rác thải do Công ty đã dừng thu gom rác tại các thùng đặt cố định theo giờ (với số lượng khoảng 1.350 thùng 240 lít). Nguồn vốn mua sắm phương tiện dự kiến được sử dụng nguồn vốn chủ sở hữu Công ty.

Đầu tư xây dựng cơ bản

- Nâng cấp sửa chữa văn phòng làm việc Công ty, kho hồ sơ Công ty và một số văn phòng làm việc các Xí nghiệp Môi trường có chủ trương từ năm 2017 nhưng chưa triển khai. Đồng thời đầu tư nâng cấp Xưởng sửa chữa xe cơ giới và thiết bị môi trường Công ty.
- Nâng cấp tuyến đường vào trạm rửa thùng Hòa Cường thành đường bê tông (đường này là đường đất bị sụt lún nghiêm trọng) để xe vận chuyển rác vận chuyển xuồng cũng như các xe tải thực hiện thu gom rác theo hình thức cơ giới hóa.
- Triển khai một số hạng mục nâng cấp công trình học rác nguy hại nhằm bổ sung các hạng mục theo yêu cầu để đúng thủ tục cấp giấy phép thu gom xử lý rác thải nguy hại theo quy định. (Hiện tại giấy phép cũ hết hạn vào ngày 06/11/2018 nhưng đến tháng 6/2018 phải hoàn thành hồ sơ xin cấp phép bổ sung)
- Xin chủ trương chủ sở hữu về lập dự án đầu tư trạm trung chuyển rác theo công nghệ ép đứng, công suất 200 tấn/ngày, tại trạm trung chuyển đường Lê Thanh Nghị phường Hòa Cường Nam, quận Hải châu thành phố Đà Nẵng, vốn dự kiến đầu tư 3,5 triệu USD (khoảng 80 tỷ đồng)
- Nguồn vốn nâng cấp đầu tư các hạng mục trên sử dụng nguồn vốn chủ sở hữu Công ty. Riêng dự án đầu tư trạm trung chuyển rác theo công nghệ ép đứng dự kiến vay vốn đầu tư phát triển hoặc quỹ môi trường khi có chủ trương phê duyệt.

Mua sắm công cụ dụng cụ phục vụ sản xuất thường xuyên

Mua 420 thùng rác 660 lít và 1.650 thùng rác 240 lít tiêu chuẩn Châu Âu. Thêm nữa là Công ty cũng thực hiện các thủ tục cần thiết để mua 181 xe đẩy tay 3 bánh trang bị thùng chứa 660 lít trang bị cho công nhân tua, quét vệ sinh đường phố hàng ngày. Trước đây công cụ sử dụng cho hoạt động này không đồng bộ chủ yếu là xe rùa thô sơ hoặc xe 3 bánh bằng tôn không đảm bảo việc thu gom cũng như mất mỹ quan đô thị. Do đó trong năm 2017, Công ty đã thí điểm trang bị 120 xe đưa vào phục vụ trong Tuần lễ cấp cao APEC 2017 và đạt hiệu quả cao do sức chứa rác lớn, tạo hình ảnh đẹp.



Báo cáo đánh giá liên quan đến trách nhiệm về môi trường và xã hội



Về người lao động

Công ty tổ chức tham quan, du lịch các tỉnh miền Tây; Tổ chức các hoạt động văn hóa, thể thao nhân các ngày lễ lớn: Hội thi chào mừng Ngày Quốc tế Phụ nữ 08/3, Giải bóng đá mini truyền thống Công ty. Bên cạnh đó còn Trao quà cho các cháu thiếu nhi là con của người lao động Công ty có nỗ lực vượt khó đạt thành tích cao trong học tập.

Thực hiện tốt công tác tuyên truyền, giải quyết đầy đủ các chế độ chính sách về tiền lương, tiền thưởng, bảo hiểm, khám sức khỏe, bảo hộ lao động cho người lao động. Đặc biệt, trong năm 2017, đã tiến hành rà soát, chỉnh sửa, bổ sung hồ sơ bảo hiểm xã hội cho hơn 1.300 người lao động Công ty. Việc bàn giao sổ BHXH sẽ tiếp tục được thực hiện trong năm 2018.

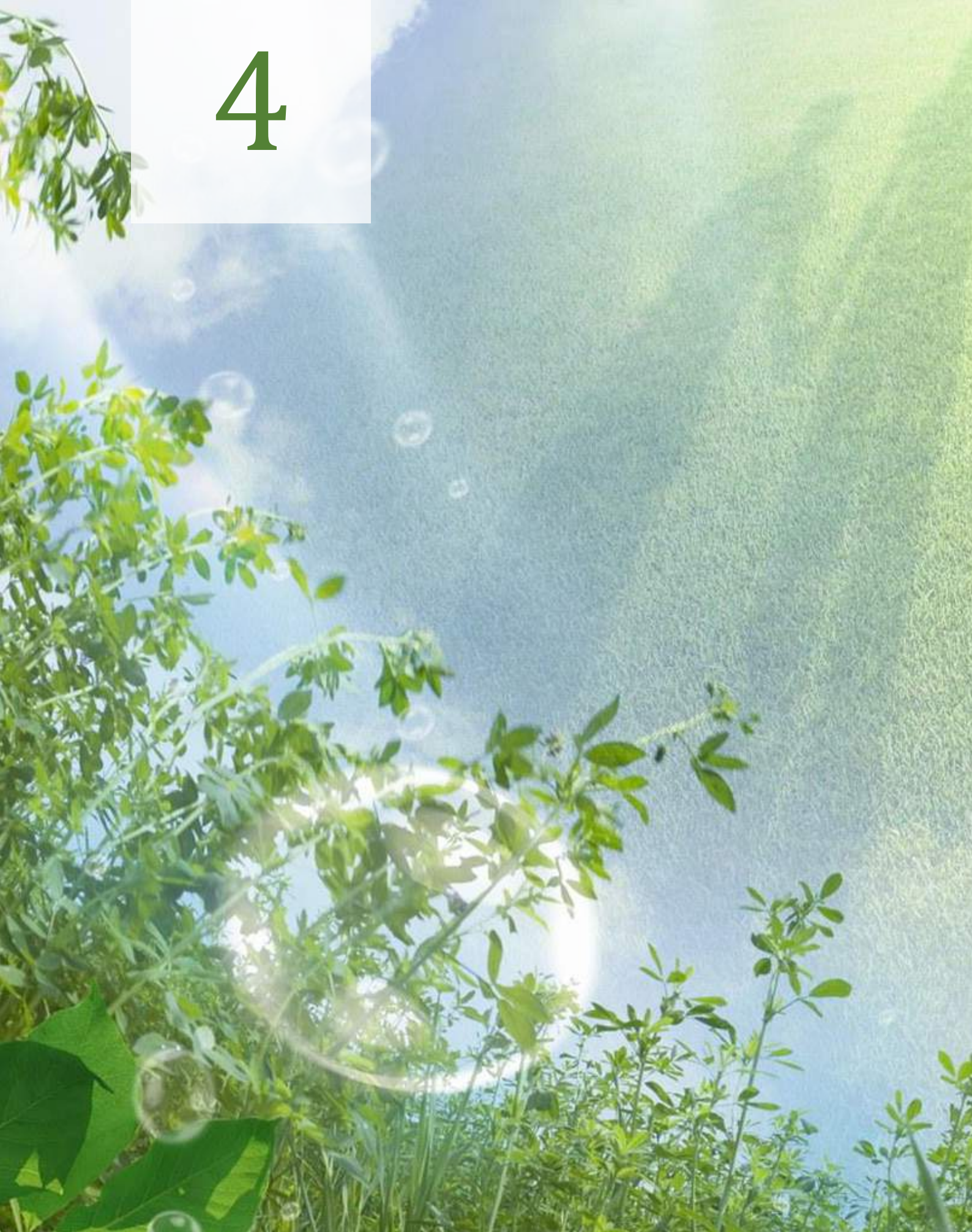


Trách nhiệm của doanh nghiệp đối với cộng đồng địa phương

Tham gia tốt trong lĩnh vực bảo vệ môi trường cũng như phục vụ công tác vệ sinh môi trường trong các sự kiện chính trị, văn hóa diễn ra trên địa bàn thành phố như: Lễ hội Pháo hoa Quốc tế Đà Nẵng DIFF 2017 và Tuần lễ cấp cao APEC 2017. Với tinh thần nhiệt huyết, trách nhiệm tập thể cán bộ, nhân viên Công ty đã hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ được giao. Ngoài ra, công ty tiếp tục triển khai thực hiện thu gom rác theo giờ các Quận của thành phố. Đồng thời triển khai thí điểm cơ giới hóa công tác thu gom rác thải trên địa bàn phường Hòa Cường Bắc và phường Hòa Thuận Tây, thuộc Quận Hải Châu. Phối hợp với các Sở ngành liên quan xây dựng trình UBND thành phố phê duyệt ban hành đơn giá vệ sinh đô thị áp dụng định mức mới theo quyết định số 6672/QĐ-UBND ngày 28/11/2017. Tiếp tục tiến hành xử lý rác thải tại bãi rác cũng như xử lý nước rỉ tại bãi rác Khánh Sơn.



4



BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

ĐÁNH GIÁ VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

ĐÁNH GIÁ VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

CÁC KẾ HOẠCH CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ



Đánh giá của Hội đồng quản trị về các mặt hoạt động của Công ty

Kết quả sản xuất - kinh doanh năm 2017 thực hiện

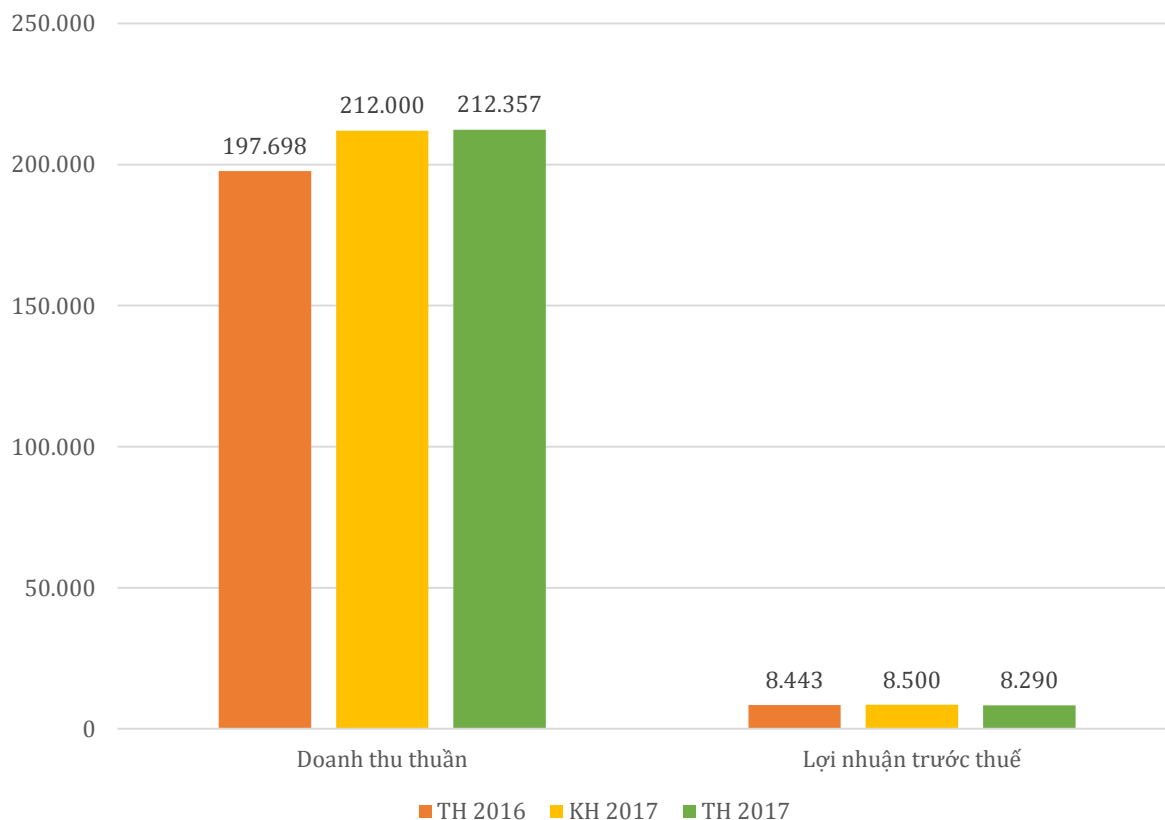
ĐVT: triệu đồng

Diễn giải	Năm 2016	Năm 2017		So sánh	
		KH	TH	% tăng/giảm TH 2017/2016	% tăng giảm TH 2017/KH 2017
Doanh thu thuần	197.698	212.000	212.357	7,41%	0,17%
Lợi nhuận trước thuế	8.443	8.500	8.290	-1,81%	-2,47%

Nguồn: Số liệu Báo cáo tài chính kiểm toán năm 2017 của CTCP Môi trường Đô thị Đà Nẵng.

ĐVT: Triệu đồng

Kết quả Sản xuất kinh doanh 2017





Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Ban Tổng Giám đốc Công ty

Trong năm 2017, Hội đồng quản trị Công ty đã thực hiện các hoạt động giám sát chủ yếu như sau đối với Ban Tổng Giám đốc:



Theo dõi, chỉ đạo, giám sát việc thực hiện các Nghị quyết do Hội đồng quản trị Công ty, Đại hội đồng cổ đông thông qua một cách nghiêm túc theo đúng nhiệm vụ và quyền hạn đã quy định.



Giám sát và theo dõi tình hình triển khai thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh, đầu tư, mua sắm, xây dựng cơ bản trong năm đã đề ra; Chỉ đạo ban Tổng Giám đốc đánh giá kết quả hoạt động năm 2017, xây dựng kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2018 để trình Hội đồng quản trị, Đại hội đồng cổ đông xem xét, quyết định thông qua theo các quy định.



Giám sát việc điều hành quản lý Công ty theo Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Công ty và các Quy chế nội bộ Công ty do Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc đã ban hành.



Giám sát thực hiện việc lưu ký cổ phiếu tại Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam và đăng ký giao dịch cổ phiếu trên sàn UPCoM, Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội.



Giám sát việc thực hiện các ý kiến chỉ đạo của chủ sở hữu phần vốn nhà nước (Ủy ban nhân dân TP Đà Nẵng) đối với hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.



Giám sát việc triển khai thực hiện các kết luận kiểm toán của Kiểm toán nhà nước khu vực III và kiến nghị của Ban Kiểm soát Công ty về tình hình tài chính của Công ty trong năm tài chính 2016 và 2017.



Qua hoạt động chỉ đạo, kiểm tra, giám sát, Hội đồng quản trị Công ty đánh giá hoạt động của Ban Tổng Giám đốc trong năm 2017 như sau:

Ban Tổng Giám đốc đã thực thi nhiệm vụ theo đúng chức năng, thẩm quyền phân cấp quản trị theo Điều lệ Công ty, thực hiện đầy đủ các Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông, Nghị quyết Hội đồng quản trị. Ban Tổng Giám đốc cùng bộ máy điều hành đã nỗ lực, phấn đấu làm hết trách nhiệm của mình để hoàn thành nghĩa vụ của Đại hội đồng cổ đông giao phó, có định hướng và biện pháp đúng đắn trong hoạt động sản xuất kinh doanh. Trong năm 2017 đã đạt kết quả kinh doanh tốt trên một số chỉ tiêu cơ bản. Tỷ suất lợi nhuận trên vốn chủ sở hữu (ROE) đạt 10,58%, tỷ suất lợi nhuận trên tài sản (ROA) đạt 4,91%; Công ty đã quản lý, sử dụng và bảo toàn tốt phần vốn Nhà nước tại Công ty. Thu nhập bình quân người lao động cũng tăng 10,1% so với năm 2016, đạt mức 6 triệu đồng/người/tháng.



Các hoạt động đầu tư, mua sắm, xây dựng cơ bản được thực hiện theo đúng Nghị quyết Hội đồng quản trị, Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông và các quy định của pháp luật.

Công ty đã thực hiện nghiêm túc các quy định về công bố thông tin. Tuân thủ đầy đủ chế độ báo cáo định kỳ hoặc đột xuất khi có yêu cầu và tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty. Các báo cáo đầy đủ, chi tiết, chính xác và cung cấp thông tin kịp thời cho Hội đồng quản trị và Ban Kiểm soát.

Về công tác tái cơ cấu các đơn vị trực thuộc, sắp xếp lại lực lượng lao động gián tiếp, Ban Tổng Giám đốc có triển khai nhưng tiến độ còn chậm, chưa đạt yêu cầu đề ra (đạt 72% kế hoạch). Quá trình triển khai thực hiện một số nội dung Nghị quyết của Hội đồng quản trị về rà soát, xây dựng lại các định mức nhiên liệu động lực, định mức xử lý rác thải, xử lý các hợp đồng liên doanh trước khi cổ phần hóa (công ty cũ) còn chậm.



Các kế hoạch, định hướng của Hội đồng quản trị

- Trong quý I/2018 sẽ tổ chức các phiên họp Hội đồng quản trị để đánh giá tình hình thực hiện quản trị hoạt động kinh doanh năm 2017 và hoàn thành kế hoạch kinh doanh năm 2018; thông qua Báo cáo tài chính, kết quả kinh doanh năm 2017. Đồng thời, hoàn thành và tổ chức lấy ý kiến các thành viên Hội đồng quản trị về Dự thảo điều chỉnh Điều lệ Công ty và Quy chế Quản trị Công ty theo hướng dẫn của Thông tư 95/2017/TT-BTC hướng dẫn một số điều của Nghị định 71/2017/NĐ-CP ngày 06/6/2017 của Chính phủ. Bên cạnh đó là triển khai thực hiện kiến nghị kiểm toán nhà nước khu vực 3 theo chỉ đạo của UBND thành phố tại Công văn số 7881/UBND-STC ngày 05/10/2017.
- Quý II/2018, Hội đồng quản trị sẽ giám sát, triển khai công tác tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2018 đúng theo Điều lệ Công ty và quy định của pháp luật.
- Trong những tháng tiếp theo sẽ tổ chức đánh giá sơ kết kết quả kinh doanh 6 tháng, 9 tháng và một số giải pháp để thực hiện hoàn thành kế hoạch năm 2018 đã đề ra. Triển khai chỉ đạo, giám sát việc thực hiện Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông thường niên 2018 và các Nghị quyết của Hội đồng quản trị.



2018



5



BÁO CÁO QUẢN TRỊ CÔNG TY

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

BAN KIỂM SOÁT

CÁC GIAO DỊCH, THÙ LAO VÀ CÁC KHOẢN LỢI ÍCH



Hội đồng quản trị

Thành viên và cơ cấu HĐQT

Thành viên Hội đồng quản trị của công ty như sau:

Họ và tên	Chức danh	Ghi chú
Nguyễn Thanh Hùng	Chủ tịch HĐQT	Thành viên HĐQT không điều hành
Đặng Đức Vũ	Thành viên HĐQT	Thành viên HĐQT điều hành
Võ Minh Đức	Thành viên HĐQT	Thành viên HĐQT điều hành
Phạm Trung Thành	Thành viên HĐQT	Thành viên HĐQT không điều hành
Nguyễn Văn Tuấn	Thành viên HĐQT	Thành viên HĐQT không điều hành

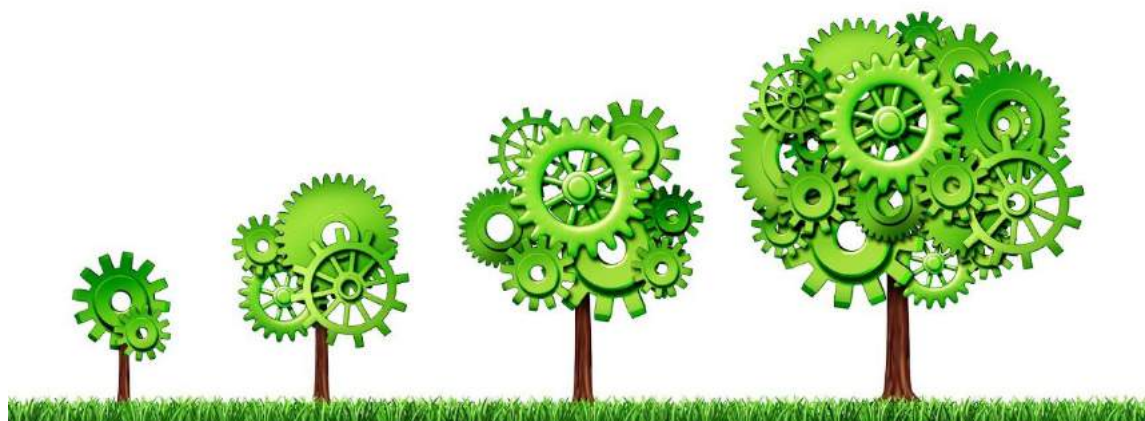
Các tiểu ban thuộc HĐQT

Hiện nay Công ty không thành lập Tiểu ban HĐQT.

Hoạt động của HĐQT

Trong năm 2017, Hội đồng quản trị đã có 05 cuộc họp với sự tham dự của đầy đủ các thành viên

STT	Thành viên HĐQT	Chức vụ	Ngày bắt đầu là thành viên HĐQT	Số buổi họp HĐQT tham dự	Tỷ lệ tham dự họp	Lý do không tham dự họp
1	Nguyễn Thanh Hùng	Chủ tịch	01/10/2015	4/5	80%	Việc riêng gia đình
2	Đặng Đức Vũ	Thành viên	01/10/2015	5/5	100%	
3	Võ Minh Đức	Thành viên	01/10/2015	5/5	100%	
4	Phạm Trung Thành	Thành viên	01/10/2015	5/5	100%	
5	Nguyễn Văn Tuấn	Thành viên	01/10/2015	5/5	100%	



Các nghị quyết và quyết định trong năm 2017 của HĐQT

STT	Số Nghị quyết/ Quyết định	Ngày	Nội dung
1	46/NQ-HĐQT	13/01/2017	Cuộc họp Hội đồng quản trị ngày 12/01/2017
2	204/NQ-HĐQT	20/4/2017	Cuộc họp Hội đồng quản trị ngày 19/4/2017
3	319/NQ-HĐQT	19/6/2017	Cuộc họp Hội đồng quản trị ngày 15/6/2017
4	505/NQ-HĐQT	31/8/2017	Cuộc họp Hội đồng quản trị ngày 29/8/2017
5	660/NQ-HĐQT	01/12/2017	Cuộc họp Hội đồng quản trị ngày 30/11/2017

Ngoài các Nghị quyết đã nêu, Hội đồng quản trị Công ty đã 19 lần tổ chức lấy ý kiến các thành viên trong năm 2017 liên quan đến hoạt động điều hành sản xuất kinh doanh của Công ty.

Hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị độc lập không điều hành

- Hỗ trợ Hội đồng quản trị thực hiện giám sát việc thực hiện nội dung các Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông thường niên cũng như Hội đồng quản trị; Giám sát việc thực hiện các Quy chế, Quy trình nội bộ Công ty đã ban hành.
- Giám sát việc triển khai thực hiện các kết luận kiểm toán của Kiểm toán nhà nước khu vực III và kiến nghị của Ban Kiểm soát Công ty về tình hình tài chính của Công ty trong năm tài chính 2016 và 2017;
- Cho ý kiến thông qua các phiếu lấy ý kiến thành viên Hội đồng quản trị về các vấn đề liên quan đến hoạt động quản lý điều hành, hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty;
- Phối hợp với Ban kiểm soát giám sát việc thực hiện quyền hạn, nhiệm vụ của Ban Tổng Giám đốc Công ty theo đúng Điều lệ Công ty và các quy định pháp luật liên quan.

Danh sách các thành viên HĐQT có chứng chỉ về quản trị công ty

- Ông Nguyễn Thanh Hùng - Chủ tịch HĐQT Công ty đã tham dự Hội thảo Quản trị công ty quý II năm 2017 do Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội, Sở Giao dịch Chứng khoán TP Hồ Chí Minh và CPA Australia đồng tổ chức; Tham dự Hội thảo phổ biến Nghị định số 71/NĐ-CP hướng dẫn về quản trị công ty áp dụng với công ty đại chúng do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước tổ chức;
- Ông Đặng Đức Vũ - Thành viên HĐQT, Tổng Giám đốc Công ty đã tham dự Hội thảo phổ biến Nghị định số 71/NĐ-CP hướng dẫn về quản trị công ty áp dụng với công ty đại chúng do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước tổ chức;
- Ông Đỗ Văn Tài - Kế toán trưởng Công ty tham dự Hội thảo Tăng cường tính công khai, minh bạch của công ty đại chúng trên thị trường chứng khoán do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước tổ chức; Tham dự Hội nghị đào tạo, hướng dẫn sử dụng Hệ thống thông tin quản lý tài chính doanh nghiệp nhà nước do Bộ Tài chính tổ chức;
- Trong năm 2017 - Công ty đã cử cán bộ, nhân viên phụ trách tham dự đầy đủ các khóa tập huấn các quy định về công bố thông tin của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở Giao dịch chứng khoán Hà Nội và Trung tâm Lưu ký chứng khoán Việt Nam.



Ban kiểm soát

Thành viên và cơ cấu Ban kiểm soát

STT	Họ và tên	Chức danh
1	Trương Thị Minh Tuệ	Trưởng Ban Kiểm soát
2	Võ Thị Huỳnh Trang	Thành viên Ban Kiểm soát
3	Đặng Thị Mỹ Hảo	Thành viên Ban Kiểm soát

Hoạt động của Ban kiểm soát

STT	Thành viên BKS	Chức vụ	Ngày bắt đầu là thành viên BKS	Số buổi họp BKS tham dự	Tỷ lệ tham dự họp	Lý do không tham dự họp
1	Trương Thị Minh Tuệ	Trưởng ban	01/10/2015	4/4	100%	-
2	Đặng Thị Mỹ Hảo	Thành viên	01/10/2015	4/4	100%	-
3	Võ Thị Huỳnh Trang	Thành viên	01/10/2015	4/4	100%	-

Ngoài ra, trong quá trình làm việc, Ban kiểm soát thường xuyên thực hiện trao đổi công việc qua các phương tiện email, điện thoại để hoạt động được thực hiện kịp thời, liên tục và đạt kết quả.



Hoạt động giám sát của BKS đối với HĐQT, Ban Tổng Giám đốc và cổ đông

Hội đồng quản trị Công ty đã thực hiện nhiệm vụ và quyền hạn quy định trong Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty; thực hiện đầy đủ chế độ họp định kỳ hàng quý tại trụ sở Công ty, thông qua các kỳ họp HĐQT đã thực hiện quyền quản lý Công ty trên cơ sở xem xét, thảo luận và biểu quyết thông qua các kế hoạch hoạt động sản xuất kinh doanh Công ty, tạo điều kiện cho Ban Giám đốc điều hành sản xuất kịp thời. Tổ chức lấy ý kiến các thành viên HĐQT giữa các phiên họp đối với các vấn đề cấp bách liên quan đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty; việc lấy ý kiến các thành viên bằng văn bản theo đúng qui định và Điều lệ Công ty.

Ban Tổng Giám đốc điều hành đã triển khai thực hiện đầy đủ, kịp thời các Nghị quyết của HĐQT, thực hiện đầy đủ nghĩa vụ đối với Nhà nước và chế độ chính sách cho người lao động. Tuy nhiên có một số công việc triển khai còn chậm như: chưa ban hành mới định mức kinh tế kỹ thuật về định mức xử lý tại bãi rác, định mức nhiên liệu động lực của từng loại thiết bị, phương tiện; xử lý hợp đồng liên doanh Công ty TNHH Thương mại Núi Thành, Công ty Toàn Cầu Xanh; Công tác tinh giảm lao động gián tiếp.

Sự phối hợp hoạt động giữa BKS đối với hoạt động của HĐQT, Ban Tổng Giám đốc và các cán bộ quản lý khác

Trong năm 2017, các cuộc họp của HĐQT đều mời các thành viên trong Ban kiểm soát tham dự. Hội đồng quản trị đã cung cấp đầy đủ thông tin về các nghị quyết, quyết định cho Ban Kiểm soát. Ban Tổng Giám đốc và các phòng ban chuyên môn đã cung cấp đầy đủ các tài liệu, báo cáo, chứng từ,... phục vụ cho công tác giám sát, kiểm tra của Ban Kiểm soát và tạo điều kiện cho Ban Kiểm soát thực hiện nhiệm vụ được giao theo quy định Điều lệ Công ty.



Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng quản trị, Ban Tổng giám đốc và Ban Kiểm soát

STT	Họ và tên	Lương	Thưởng	Cho Công ty vay	Vay của Công ty
1	Hội đồng quản trị				
	Ông Nguyễn Thanh Hùng	315.997.200	10.500.000	-	-
	Ông Đặng Đức Vũ	292.590.000	10.500.000	-	-
	Ông Võ Minh Đức	269.182.800	8.400.000	-	-
	Ông Phạm Trung Thành	48.000.000	8.400.000	-	-
	Ông Nguyễn Văn Tuấn	48.000.000	8.400.000	-	-
2	Ban kiểm soát			-	-
	Bà Trương Thị Minh Huệ	262.910.073	8.400.000	-	-
	Bà Võ Thị Huỳnh Trang	48.000.000	8.400.000	-	-
	Bà Đặng Thị Mỹ Hào	48.000.000	8.400.000	-	-
3	Ban điều hành			-	-
	Ông Đặng Đức Vũ			-	-
	Ông Võ Minh Đức			-	-
	Ông Trần Văn Tiên	222.368.400	8.400.000	-	-
	Ông Phạm Quang Sáng	222.368.400	8.400.000	-	-
	Ông Đỗ Văn Tài	222.368.400	8.400.000	-	-



Giao dịch cổ phiếu của cổ đông nội bộ: không có

Giao dịch giữa Công ty với người có liên quan của Công ty; hoặc giữa Công ty với cổ đông lớn, người nội bộ, người có liên quan của người nội bộ

STT	Tên tổ chức/ cá nhân	Mối quan hệ liên quan với Công ty	Số CMND, ngày cấp, nơi cấp	Địa chỉ liên hệ	Thời điểm giao dịch với Công ty	Số Nghị quyết/ Quyết định của ĐHĐCĐ/HĐQT thông qua	Số lượng, tỷ lệ nắm giữ cổ phiếu sau khi giao dịch	Ghi chú
1	Nguyễn Đình Thảo Trang	Vợ Chủ tịch HĐQT (Nguyễn Thanh Hùng)			31/12/2017		0 (0%)	Hợp đồng thuê xe
2	Trương Thị Tường Linh	Vợ Phó Tổng Giám đốc (Phạm Quang Sáng)			30/6/2017		0 (0%)	Hợp đồng thuê xe

Việc thực hiện các quy định về quản trị Công ty

Việc quản trị Công ty luôn được đảm bảo theo đúng pháp luật, Điều lệ, các quy chế nội bộ và các tiêu chí nhằm đảm bảo được hoạt động của Công ty một cách suôn sẻ nhất; theo đuổi các mục tiêu vì lợi ích của công ty và của các cổ đông, cũng như tạo điều kiện thuận lợi cho việc giám sát hoạt động của công ty một cách hiệu quả, từ đó khuyến khích công ty sử dụng các nguồn lực một cách tốt nhất. Ngoài ra, Công ty luôn tăng cường kiến thức quản trị cho các thành viên Hội đồng quản trị và Ban giám đốc thông qua việc cử các cán bộ đi đào tạo theo thông báo của UBCKNN, các cơ quan liên quan và các lớp học quản trị công ty. Từ đó, nâng cao hiệu quả kinh doanh, nâng cao khả năng tiếp cận nguồn vốn, giảm chi phí vốn cũng như tạo dựng lòng tin đối với cổ đông, nhà đầu tư.



6



BÁO CÁO TÀI CHÍNH KIỂM TOÁN 2017

Ý KIẾN KIỂM TOÁN VIÊN

BÁO CÁO TÀI CHÍNH KIỂM TOÁN 2017



BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: CÁC CỔ ĐÔNG, HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC CÔNG TY CỔ PHẦN MÔI TRƯỜNG ĐÔ THỊ ĐÀ NẴNG

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Môi trường Đô thị Đà Nẵng (sau đây gọi tắt là “Công ty”), được lập ngày 17 tháng 03 năm 2018, từ trang 07 đến trang 37, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán ngoại trừ của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Môi trường Đô thị Đà Nẵng tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.



Vấn đề cần nhấn mạnh

- Theo Thuyết minh V.16, các khoản chi của Quỹ khen thưởng phúc lợi thuộc giai đoạn nhà nước chi vượt và đang trình bày số âm trên báo cáo tài chính này là 4.155.330.823 đồng chưa được quyết toán và xử lý, vẫn còn ảnh hưởng trên Bảng cân đối kế toán của Công ty tại ngày 01/10/2015 và ngày 31/12/2017. Vấn đề này còn tùy thuộc vào sự quyết định của các cấp có thẩm quyền và việc trình bày như trên là chưa phù hợp với Chế độ kế toán hiện hành. Ngoài ra Quỹ khen thưởng phúc lợi thuộc giai đoạn Công ty Cổ phần lũy kế đến 31/12/2017 đã chi vượt số tiền là 2.969.620.272 đồng. Việc chi tiêu như vậy là không phù hợp với tình hình tài chính của Công ty.
- Chúng tôi lưu ý người đọc đến Mục I.5 tại Thuyết minh Báo cáo tài chính, Công ty đã chính thức chuyển sang hoạt động theo mô hình công ty cổ phần từ ngày 01/10/2015. Tuy nhiên, đến thời điểm này Công ty vẫn chưa tiến hành bàn giao số liệu giữa Công ty TNHH MTV Môi trường Đô thị Đà Nẵng và Công ty Cổ phần Môi trường Đô thị Đà Nẵng.

Ý kiến kiểm toán chấp nhận toàn phần của chúng tôi không liên quan đến các vấn đề này.

Đà Nẵng, ngày 17 tháng 3 năm 2018

Chi nhánh Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn Chuẩn Việt tại Đà Nẵng - VIETVALUES



Lê Thị Thanh Kim - Giám đốc Chi nhánh
Giấy CNDKHN số: 2896-2016-071-1
Chữ ký được ủy quyền

Hoàng Thái Tân - Kiểm toán viên
Giấy CNDKHN số: 2817-2014-071-1

Nơi nhận:

- Như trên.
- Lưu **VIETVALUES**.



BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017

ĐVT: VND

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
1	2	3	4	5
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		62.529.890.443	86.418.807.211
110	I. Tiền và các khoản tương đương tiền	V.1	30.490.488.304	52.688.940.633
111	1. Tiền		30.490.488.304	52.688.940.633
112	2. Các khoản tương đương tiền		-	-
120	II. Đầu tư tài chính ngắn hạn		-	-
121	1. Chứng khoán kinh doanh		-	-
122	2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh		-	-
130	III. Các khoản phải thu ngắn hạn		27.865.647.711	30.985.728.557
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	V.2	21.631.149.678	22.528.866.663
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	V.3	1.604.389.500	1.940.304.300
133	3. Phải thu nội bộ ngắn hạn		-	-
134	4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng		-	-
136	5. Phải thu ngắn hạn khác	V.4	4.626.109.533	6.512.558.594
137	6. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi		-	-
139	7. Tài sản thiếu chờ xử lý		3.999.000	3.999.000
140	IV. Hàng tồn kho		2.831.058.495	1.097.532.458
141	1. Hàng tồn kho	V.5	2.831.058.495	1.097.532.458
142	2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (*)		-	-
150	V. Tài sản ngắn hạn khác		1.342.695.933	1.646.605.563
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn	V.6a	1.332.014.243	1.646.605.563
152	2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ		-	-
153	3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	V.12	10.681.690	-
154	4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ		-	-
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		73.434.225.509	77.378.407.492
210	I. Các khoản phải thu dài hạn		-	-
220	II. Tài sản cố định		64.120.292.803	69.923.045.085
221	1. Tài sản cố định hữu hình	V.7	64.088.990.570	69.876.392.188
222	- Nguyên giá		151.406.180.208	146.214.808.968
223	- Giá trị hao mòn lũy kế		(87.317.189.638)	(76.338.416.780)
224	2. Tài sản cố định thuê tài chính		-	-
227	3. Tài sản cố định vô hình	V.8	31.302.233	46.652.897
228	- Nguyên giá		123.000.000	123.000.000
229	- Giá trị hao mòn lũy kế		(91.697.767)	(76.347.103)
230	III. Bất động sản đầu tư		-	-
240	IV. Tài sản dở dang dài hạn		266.104.345	219.002.873
241	1. Chi phí SXKD dở dang dài hạn		-	-
242	2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	V.9	266.104.345	219.002.873
250	V. Đầu tư tài chính dài hạn		-	-
260	VI. Tài sản dài hạn khác		9.047.828.361	7.236.359.534
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	V.6b	9.047.828.361	7.236.359.534
262	2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại		-	-
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		135.964.115.952	163.797.214.703



Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
1	2	3	4	5
300	C. NỢ PHẢI TRẢ		62.603.141.013	97.983.932.069
310	I. Nợ ngắn hạn		62.603.141.013	97.983.932.069
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	V.10	2.518.255.032	1.571.299.365
312	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	V.11	274.405.250	358.949.400
313	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	V.12	2.959.281.352	2.681.849.673
314	4. Phải trả người lao động	V.13	5.617.259.839	16.216.687.226
315	5. Chi phí phải trả ngắn hạn	V.14	6.127.139.645	8.153.271.348
316	6. Phải trả nội bộ ngắn hạn		-	-
317	7. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng		-	-
318	8. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn		-	-
319	9. Phải trả ngắn hạn khác	V.15	52.231.750.990	73.574.801.152
320	10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn		-	-
321	11. Dự phòng phải trả ngắn hạn		-	-
322	12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	V.16	(7.124.951.095)	(4.572.926.095)
323	13. Quỹ bình ổn giá		-	-
324	14. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ		-	-
330	II. Nợ dài hạn		-	-
400	D. VỐN CHỦ SỞ HỮU		73.360.974.939	65.813.282.634
410	I. Vốn chủ sở hữu	V.17	72.979.074.939	65.619.382.634
411	1. Vốn góp của chủ sở hữu		57.736.000.000	57.736.000.000
411a	- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		57.736.000.000	57.736.000.000
411b	- Cổ phiếu ưu đãi		-	-
412	2. Thặng dư vốn cổ phần		111.896.964	111.896.964
413	3. Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu		-	-
414	4. Vốn khác của chủ sở hữu		-	-
415	5. Cổ phiếu quỹ (*)		-	-
416	6. Chênh lệch đánh giá lại tài sản		-	-
417	7. Chênh lệch tỷ giá hối đoái		-	-
418	8. Quỹ đầu tư phát triển		309.406.487	309.406.487
419	9. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp		-	-
420	10. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu		154.703.244	154.703.244
421	11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		14.667.068.244	7.307.375.939
421a	- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước		7.307.375.939	-
421b	- LNST chưa phân phối kỳ này		7.359.692.305	7.307.375.939
422	12. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản		-	-
430	II. Nguồn kinh phí và quỹ khác		381.900.000	193.900.000
431	1. Nguồn kinh phí	V.18	381.900.000	193.900.000
432	2. Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ		-	-
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		135.964.115.952	163.797.214.703

Đà Nẵng, ngày 17 tháng 03 năm 2018

Người lập biểu



HUỲNH DUY HẢI

Kế toán trưởng



ĐỖ VĂN TÀI

Tổng Giám Đốc



ĐANG ĐỨC VŨ



KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017

ĐVT: VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1	2	3	4	5
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	VI.1	212.356.946.515	197.698.532.563
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu		-	-
10	3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ		212.356.946.515	197.698.532.563
11	4. Giá vốn hàng bán	VI.2	193.811.351.445	179.081.978.108
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		18.545.595.070	18.616.554.455
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	VI.3	88.860.570	756.974.173
22	7. Chi phí tài chính		-	-
23	- Trong đó: Chi phí lãi vay		-	-
25	8. Chi phí bán hàng	VI.4	33.731.001	-
26	9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	VI.5	10.581.975.744	10.945.596.810
30	10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		8.018.748.895	8.427.931.818
31	11. Thu nhập khác	VI.6	613.596.267	36.620.905
32	12. Chi phí khác	VI.7	342.361.844	21.488.601
40	13. Lợi nhuận khác		271.234.423	15.132.304
50	14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		8.289.983.318	8.443.064.122
51	15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	V.12	930.291.013	1.055.028.249
52	16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại		-	-
60	17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp		7.359.692.305	7.388.035.873
70	18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	VI.8	1.275	1.266
71	19. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	VI.9	1.275	1.266

Người lập biểu



HUỖNH DUY HẢI

Kế toán trưởng



ĐỖ VĂN TÀI

Đà Nẵng, ngày 17 tháng 03 năm 2018

Tổng Giám Đốc



ĐẶNG ĐỨC VŨ



BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

(Theo phương pháp trực tiếp)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017

ĐVT: VND

Mã số	Chỉ tiêu	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1	2	3	4	5
	I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
01	1. Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác		233.935.430.975	204.568.507.309
02	2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa, dịch vụ		(100.600.917.450)	(89.536.927.006)
03	3. Tiền chi trả cho người lao động		(94.186.838.844)	(66.586.213.261)
04	4. Tiền lãi vay đã trả		-	-
05	5. Tiền thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp		(989.369.890)	(997.610.278)
06	6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh		19.861.056.819	17.229.079.969
07	7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		(74.678.103.772)	(54.460.182.016)
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh		(16.658.742.162)	10.216.654.717
	II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
21	1. Tiền chi để mua sắm TSCĐ, XD TSCĐ và các tài sản dài hạn khác		(5.628.114.737)	(9.855.953.006)
22	2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác		-	-
23	3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của các đơn vị khác		-	(20.000.000.000)
24	4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác		-	20.000.000.000
25	5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		-	-
26	6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		-	-
27	7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		88.860.570	756.974.173
30	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư		(5.539.254.167)	(9.098.978.833)
	III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
31	1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu		-	-
32	2. Tiền trả lại vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành		-	-
33	3. Tiền thu từ đi vay		-	-
34	4. Tiền trả nợ gốc vay		-	-
35	5. Tiền trả gốc nợ thuê tài chính		-	-
36	6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu		(456.000)	(2.211.362.000)
40	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính		(456.000)	(2.211.362.000)
50	Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50=20+30+40)		(22.198.452.329)	(1.093.686.116)
60	Tiền và tương đương tiền đầu kỳ		52.688.940.633	53.782.626.749
61	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ			
70	Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	V.1	30.490.488.304	52.688.940.633

Người lập biểu



HUỖNH DUY HẢI

Kế toán trưởng



ĐỖ VĂN TÀI

Đà Nẵng, ngày 17 tháng 03 năm 2018



Tổng Giám Đốc

ĐẶNG ĐỨC VŨ



BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017

Thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời và phải được đọc kèm với Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017.

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG

1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Môi trường Đô thị Đà Nẵng (sau đây gọi tắt là “Công ty”) là công ty cổ phần được chuyển đổi cổ phần hóa theo Quyết định số 9594/QĐ-UBND ngày 30/12/2014 của UBND Thành phố Đà Nẵng từ Công ty TNHH Một thành viên Môi trường Đô thị Đà Nẵng. Công ty là đơn vị hạch toán độc lập, hoạt động sản xuất kinh doanh theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0400228640 ngày 01/10/2015 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Đà Nẵng cấp, Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Công ty và các quy định pháp lý hiện hành có liên quan.

2. Lĩnh vực kinh doanh

Công ty kinh doanh trong nhiều lĩnh vực khác nhau như: sản xuất, kinh doanh dịch vụ,...

3. Ngành nghề kinh doanh

Ngành nghề kinh doanh của Công ty là:

- Thu gom, vận chuyển và xử lý rác thải sinh hoạt, chất thải công nghiệp, chất thải hàng hải, chất thải nguy hại, phế thải xây dựng và hầm cầu;
- Cung cấp dịch vụ vệ sinh công cộng, vỉa hè, đường phố, cống rãnh, ao hồ, đầm, trên sông, ven biển và bờ biển;
- Xử lý ô nhiễm môi trường các hệ thống sông, hồ, đầm ao, vịnh biển và bờ biển;
- Xử lý các loại nước thải, nước nhiễm bần, nhiễm dầu;
- Xây dựng, sửa chữa, nạo vét mương cống, công trình xử lý nước thải và tháo dỡ công trình xây dựng;
- Tư vấn lập các hồ sơ, thủ tục dự án trong lĩnh vực môi trường và tư vấn chuyển giao công nghệ sản xuất phân bón hữu cơ vi sinh;
- Tư vấn thiết kế, xây dựng và đầu tư xây dựng các công trình xử lý chất thải, xử lý môi trường;
- Sản xuất và cung ứng các sản phẩm hóa sinh, vi sinh trong xử lý môi trường;
- Chăn nuôi, trồng trọt và nuôi trồng thủy sản;
- Kinh doanh các loại vật tư, thiết bị, hóa chất, vi sinh và các trang thiết bị liên quan đến lĩnh vực xử lý môi trường,...

4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường đối với các hoạt động của Công ty thường kéo dài không quá 12 tháng.



5. Đặc điểm hoạt động của Công ty trong năm có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính

Từ ngày 01/10/2015, Công ty chính thức hoạt động dưới mô hình Công ty Cổ phần với pháp nhân mới là Công ty Cổ phần Môi trường Đô thị Đà Nẵng. Tuy nhiên, cho đến thời điểm hiện nay Công ty vẫn chưa tiến hành bàn giao chính thức tài sản và nguồn vốn từ Công ty TNHH MTV sang Công ty cổ phần.

6. Cấu trúc Công ty

Công ty có các đơn vị trực thuộc không có tư cách pháp nhân hạch toán phụ thuộc hạch toán chung với văn phòng Công ty

- Ban Thanh tra (Ban KCS)
- Trung tâm Tư vấn Đầu tư và Phát triển Kỹ nghệ Môi trường
- Xí nghiệp Môi trường Hoà Vang
- Xí nghiệp Môi trường Ngũ Hành Sơn
- Xí nghiệp Dịch vụ Môi trường
- Xí nghiệp Môi trường Thanh Khê 2
- Xí nghiệp Dịch vụ Môi trường Sông Biên
- Xí nghiệp QLB và xử lý CT
- Xí nghiệp Môi trường Cẩm Lệ
- Xí nghiệp Môi trường Liên Chiểu
- Xí nghiệp Môi trường Thanh Khê 1
- Xí nghiệp Môi trường Hải Châu 1
- Xí nghiệp Môi trường Hải Châu 2
- Xí nghiệp Vận chuyển
- Xí nghiệp Môi trường Sơn Trà
- Xí nghiệp Sửa chữa

7. Nhân viên

Tại ngày 31/12/2017, Công ty có 1.232 nhân viên đang làm việc (tại ngày 01/01/2017 là 1.237 nhân viên).

II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND) do việc thu, chi chủ yếu được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ VND.



III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chuẩn mực và chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 và các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Theo đó, bảng cân đối kế toán tại ngày 31/12/2017, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, báo cáo lưu chuyển tiền tệ và các thuyết minh báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017 được trình bày kèm theo và việc sử dụng các báo cáo này không dành cho các đối tượng không được cung cấp các thông tin về các thủ tục, nguyên tắc và thông lệ kế toán tại Việt Nam và hơn nữa không được chủ định trình bày tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận rộng rãi ở các nước và lãnh thổ khác ngoài Việt Nam

2. Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập Báo cáo tài chính.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

2. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng không có kỳ hạn và tiền đang chuyển, vàng tiền tệ.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá 3 tháng kể từ ngày mua, dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định cũng như không có nhiều rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền.

3. Các khoản phải thu

Các khoản nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng và phải thu khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải thu của khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua – bán giữa Công ty và người mua là đơn vị độc lập với Công ty, bao gồm cả các khoản phải thu về tiền bán hàng xuất khẩu ủy thác cho đơn vị khác.
- Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua – bán.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra, cụ thể như sau:

- Đối với nợ phải thu quá hạn thanh toán:



- 30% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ trên 6 tháng đến dưới 1 năm.
 - 50% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 1 năm đến dưới 2 năm.
 - 70% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 2 năm đến dưới 3 năm.
 - 100% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 3 năm trở lên.
- Đối với nợ phải thu chưa quá hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi: căn cứ vào dự kiến mức tổn thất để lập dự phòng.

Tăng, giảm số dư dự phòng nợ phải thu khó đòi cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp.

4. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho được xác định như sau:

- Nguyên vật liệu, hàng hóa: bao gồm chi phí mua và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.
- Dịch vụ hoàn thành: bao gồm chi phí nguyên vật liệu, nhân công trực tiếp, chi phí máy thi công và chi phí sản xuất chung phát sinh trong quá trình cung cấp dịch vụ.
- Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang: bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, nhân công trực tiếp, chi phí sử dụng máy thi công và chi phí chung liên quan đến dịch vụ đang thực hiện.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong kỳ sản xuất, kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Giá trị hàng tồn kho được tính theo phương pháp nhập trước xuất trước và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập cho từng mặt hàng tồn kho có giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Đối với dịch vụ cung cấp dở dang, việc lập dự phòng giảm giá được tính theo từng loại dịch vụ có mức giá riêng biệt. Tăng, giảm số dư dự phòng giảm giá hàng tồn kho cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào giá vốn hàng bán.

5. Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí trả trước ngắn hạn hoặc chi phí trả trước dài hạn trên bảng cân đối kế toán giữa niên độ và được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước hoặc thời gian các lợi ích kinh tế tương ứng được tạo ra từ các chi phí này.

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước của Công ty bao gồm các chi phí sau:

Công cụ, dụng cụ

Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 36 tháng.

Chi phí sửa chữa tài sản cố định

Chi phí sửa chữa tài sản phát sinh một lần có giá trị lớn được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 36 tháng.



6. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính phù hợp với hướng dẫn theo Thông tư 45/2013/TT-BTC ngày 25 tháng 04 năm 2013 của Bộ Tài chính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định hữu hình như sau:

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Số năm khấu hao</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	5 - 35
Máy móc và thiết bị	5 - 10
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	4 - 10
Thiết bị dụng cụ quản lý	5 - 10

7. Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Chi phí liên quan đến tài sản cố định vô hình phát sinh sau khi ghi nhận ban đầu được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm trừ khi các chi phí này gắn liền với một tài sản cố định vô hình cụ thể và làm tăng lợi ích kinh tế từ các tài sản này.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Tài sản cố định vô hình của Công ty bao gồm:

Chương trình phần mềm

Chi phí liên quan đến các chương trình phần mềm máy tính không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan được vốn hoá. Nguyên giá của phần mềm máy tính là toàn bộ các chi phí mà Công ty đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng. Phần mềm máy tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong 8 năm.

8. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các chi phí liên quan trực tiếp (bao gồm cả chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty) đến các tài sản đang trong quá trình xây dựng, máy móc thiết bị đang lắp đặt để phục vụ cho mục đích sản xuất, cho thuê và quản lý cũng như chi phí liên quan đến việc sửa chữa tài sản cố định đang thực hiện. Các tài sản này được ghi nhận theo giá gốc và không được tính khấu hao.



9. Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Công ty, bao gồm cả các khoản phải trả khi nhập khẩu thông qua người nhận ủy thác.
- Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và các khoản phải trả cho người lao động về tiền lương nghỉ phép, các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh phải trích trước.
- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

10. Vốn chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp của các cổ đông.

Thặng dư vốn cổ phần

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch giữa giá phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành lần đầu. Chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành bổ sung cổ phiếu và tái phát hành cổ phiếu quỹ được ghi giảm thặng dư vốn cổ phần.

Vốn khác của chủ sở hữu

Vốn khác được hình thành do bổ sung từ kết quả hoạt động kinh doanh, đánh giá lại tài sản và giá trị còn lại giữa giá trị hợp lý của các tài sản được tặng, biếu, tài trợ sau khi trừ các khoản thuế phải nộp (nếu có) liên quan đến các tài sản này.

11. Phân phối lợi nhuận

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho các cổ đông sau khi đã trích lập các quỹ theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên hằng năm.

Việc phân phối lợi nhuận cho các cổ đông được cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức như lãi do đánh giá lại tài sản mang đi góp vốn, lãi do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ, các công cụ tài chính và các khoản mục phi tiền tệ khác.

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

12. Ghi nhận doanh thu và thu nhập

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ đi các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại



Doanh thu cung cấp dịch vụ về môi trường đô thị

Doanh thu của giao dịch cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong năm được căn cứ vào kết quả phần công việc đã hoàn thành vào ngày kết thúc năm tài chính. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó.
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày kết thúc năm tài chính.
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Tiền lãi

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất thực tế từng kỳ.

Cổ tức và lợi nhuận được chia

Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc lợi nhuận từ việc góp vốn. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

13. Các khoản giảm trừ doanh thu

Các khoản giảm trừ doanh thu là các khoản được điều chỉnh giảm trừ vào tổng doanh thu trong năm bao gồm các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán, hàng bán bị trả lại.

14. Giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán là tổng chi phí trực tiếp của khối lượng dịch vụ đã cung cấp, chi phí khác được tính vào giá vốn hoặc gi giảm giá vốn hàng bán.

15. Chi phí tài chính

Chi phí tài chính là những chi phí liên quan đến hoạt động tài chính gồm các khoản chi phí hoặc lỗ liên quan đến hoạt động đầu tư tài chính và đi vay vốn, lỗ chuyển nhượng chứng khoán ngắn hạn, chi phí giao dịch bán chứng khoán và dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh.

16. Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp

Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp là toàn bộ các chi phí phát sinh đến quá trình bán sản phẩm, hàng hóa, cung cấp dịch vụ và các chi phí quản lý chung của Công ty.

17. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm thuế thu nhập DN hiện hành và thuế thu nhập DN hoãn lại.

Thuế thu nhập hiện hành

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế



toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại là khoản thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp hoặc sẽ được hoàn lại do chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của tài sản và nợ phải trả cho mục đích lập Báo cáo tài chính và cơ sở tính thuế thu nhập. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ này.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và sẽ được ghi giảm đến mức đảm bảo chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán dựa trên các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc năm tài chính. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi trực tiếp vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi:

- Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp; và
- Các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả này liên quan đến thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế:
 - Đối với cùng một đơn vị chịu thuế; hoặc
 - Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong từng kỳ tương lai khi các khoản trọng yếu của thuế thu nhập hoãn lại phải trả hoặc tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi.

18. Báo cáo theo bộ phận

- Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.
- Bộ phận theo khu vực địa lý là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

19. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mỗi quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.



V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (đơn vị tính: VNĐ)

1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Tiền mặt	94.536.870	88.522.290
Tiền gửi ngân hàng (*)	30.395.951.434	52.600.418.343
Cộng	<u>30.490.488.304</u>	<u>52.688.940.633</u>

(*) Chi tiết tiền gửi ngân hàng tại ngày 31/12/2017

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Ngân hàng Nông nghiệp và PTNT VN - CN Tân Chính	869.100	1.188.500
Ngân hàng Nông nghiệp và PTNT VN - CN Đà Nẵng	10.515.251.263	21.924.693.752
Ngân hàng TMCP Đông Á - PGD Hòa Cường	9.944.420.562	5.210.046.326
Ngân hàng Liên doanh Việt Nga - CN Đà Nẵng (**)	6.784.224.680	23.540.524.708
Ngân hàng TMCP ĐT&PT VN - Chi nhánh Sông Hàn	3.151.185.829	1.923.965.057
Cộng	<u>30.395.951.434</u>	<u>52.600.418.343</u>

(**) Trong đó số dư tài khoản tiền gửi số tiền 2.449.706.342 đồng tại Ngân hàng Liên doanh Việt Nga – CN Đà Nẵng là tài khoản phong tỏa phục vụ cho việc thu tiền từ cổ phần hóa, Công ty không được sử dụng số tiền này.

2. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
<i>Phải thu các bên liên quan</i>	-	-
<i>Phải thu các khách hàng khác</i>	21.631.149.678	22.528.866.663
- Sở Tài nguyên Môi trường TP. Đà Nẵng	10.491.820.000	18.591.060.000
- Khách hàng dịch vụ	4.988.798.678	3.844.555.663
- Khách hàng công ích	401.294.000	93.251.000
- Ban quản lý Bán đảo Sơn Trà	5.749.237.000	-
Cộng	<u>21.631.149.678</u>	<u>22.528.866.663</u>



3. Trả trước cho người bán ngắn hạn

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
<i>Trả trước cho các bên liên quan</i>	-	-
<i>Trả trước cho người bán khác</i>	1.604.389.500	1.940.304.300
- Công ty CP Xây dựng Hân Lộc	1.023.000.000	1.188.814.800
- Công ty CP Tư vấn Đầu tư và Xây dựng Đông Phương	-	200.000.000
- Công ty TNHH Trọng Toàn	332.700.000	200.000.000
- Các đối tượng khác	248.689.500	351.489.500
Cộng	<u>1.604.389.500</u>	<u>1.940.304.300</u>

4. Phải thu ngắn hạn khác

	<u>Số cuối năm</u>		<u>Số đầu năm</u>	
	<u>Giá trị</u>	<u>Dự phòng</u>	<u>Giá trị</u>	<u>Dự phòng</u>
<i>Phải thu các bên liên quan</i>	-	-	-	-
<i>Phải thu các tổ chức và cá nhân khác</i>	4.470.016.213	-	6.349.682.594	-
Trung tâm Tư vấn Đầu tư và Phát triển Kỹ nghệ Môi trường	1.178.633.791	-	921.706.601	-
XN vận chuyển	35.090.000	-	176.698.839	-
XN DV Môi trường (Công nghiệp)	21.823.537	-	65.025.209	-
XN DV Môi trường (Nguy hại)	315.940.853	-	595.577.928	-
XN DV Môi trường (Trung tâm KDDV)	448.089.837	-	41.500.000	-
XN Môi trường Hải Châu 1	249.262.704	-	543.245.877	-
XN Môi trường Hải Châu 2	220.774.943	-	562.208.344	-
XN Môi trường Sông Biển	339.184.025	-	437.110.525	-
Phải thu các xí nghiệp khác	886.190.978	-	2.452.727.359	-
Bảo hiểm XH TP Đà Nẵng	2.012.500	-	-	-
Phải thu khác	773.013.045	-	553.881.912	-
<i>Tạm ứng CBCNV</i>	156.093.320	-	162.876.000	-
Cộng	<u>4.626.109.533</u>	<u>-</u>	<u>6.512.558.594</u>	<u>-</u>



5. Hàng tồn kho

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Nguyên liệu, vật liệu	709.498.113		138.262.315	-
Công cụ, dụng cụ	2.121.560.382		959.270.143	-
Cộng	2.831.058.495	-	1.097.532.458	-

Nguyên liệu, vật liệu là những nhiên liệu (xăng, dầu, nhớt,...) và vật liệu, vật tư thay thế phục vụ trong việc xử lý môi trường.

Công cụ dụng cụ là những công cụ (thùng rác, xe đẩy, găng tay su,...) phục vụ trong hoạt động sản xuất kinh doanh nhưng chưa sử dụng trong năm.

6. Chi phí trả trước ngắn hạn/dài hạn

6a. Chi phí trả trước ngắn hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
Công cụ dụng cụ chờ phân bổ	1.296.158.425	1.527.068.142
Chi phí sửa chữa chờ phân bổ	-	42.777.657
Chi phí bảo hiểm, tiền thuê đất	35.855.818	-
Chi phí trả trước ngắn hạn khác	-	76.759.764
Cộng	1.332.014.243	1.646.605.563

Tình hình biến động của chi phí trả trước ngắn hạn trong năm

	Năm nay	Năm trước
Số dư đầu năm	1.646.605.563	236.372.558
Tăng trong năm	3.388.617.245	4.888.057.364
Phân bổ trong năm	(3.703.208.565)	(3.477.824.359)
Số dư cuối năm	1.332.014.243	1.646.605.563

6b. Chi phí trả trước dài hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
Chi phí sửa chữa chờ phân bổ	6.910.526.287	5.203.901.016
Công cụ, dụng cụ chờ phân bổ	1.615.756.275	1.612.301.014
Chi phí phân bổ khác	521.545.799	420.157.504
Cộng	9.047.828.361	7.236.359.534



Tình hình biến động của chi phí trả trước dài hạn trong năm

	Năm nay	Năm trước
Số dư đầu năm	7.236.359.534	10.829.619.861
Tăng trong năm	8.427.949.489	7.626.533.940
Phân bổ trong năm	(6.616.480.662)	(11.219.794.267)
Số dư cuối năm	9.047.828.361	7.236.359.534

7. Tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	P.tiện vận tải truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Tổng cộng
Nguyên giá					
Số đầu năm	84.140.183.653	2.587.708.394	59.451.563.921	35.353.000	146.214.808.968
Mua trong năm	-	394.295.150	4.501.386.364	57.796.363	4.953.477.877
Đ/tư XDCB h/thành	645.826.363	-	-	-	645.826.363
Thanh lý, nhượng bán	-	-	-	-	-
Giảm khác	(407.933.000)	-	-	-	(407.933.000)
Số cuối năm	84.378.077.016	2.982.003.544	63.952.950.285	93.149.363	151.406.180.208
<i>Trong đó:</i>					
- Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng	346.950.000	-	330.909.091	-	677.859.091
- Chờ thanh lý	-	-	-	-	-
Giá trị hao mòn					
Số đầu năm	41.686.297.703	1.426.383.084	33.197.257.192	28.478.801	76.338.416.780
Khấu hao trong năm	4.966.636.685	336.525.159	5.915.081.764	15.487.380	11.233.730.988
Tăng khác	-	-	-	-	-
T/lý, nhượng bán	-	-	-	-	-
Giảm khác	(254.958.130)	-	-	-	(254.958.130)
Số cuối năm	46.397.976.258	1.762.908.243	39.112.338.956	43.966.181	87.317.189.638
Giá trị còn lại					
Số đầu năm	42.453.885.950	1.161.325.310	26.254.306.729	6.874.199	69.876.392.188
Số cuối năm	37.980.100.758	1.219.095.301	24.840.611.329	49.183.182	64.088.990.570

- Giá trị còn lại cuối năm của TSCĐ hữu hình đã dùng thể chấp, cầm cố các khoản vay : 0 đồng
- Nguyên giá TSCĐ cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 677.859.091 đồng



8. Tài sản cố định vô hình

	Phần mềm máy tính	Tổng cộng
Nguyên giá		
Số đầu năm	123.000.000	123.000.000
Tăng trong năm	-	-
Thanh lý, nhượng bán	-	-
Số cuối năm	123.000.000	123.000.000
Giá trị hao mòn		
Số đầu năm	76.347.103	76.347.103
Khấu hao trong năm	15.350.664	15.350.664
Tăng khác	-	-
Thanh lý, nhượng bán	-	-
Số cuối năm	91.697.767	91.697.767
Giá trị còn lại		
Số đầu năm	46.652.897	46.652.897
Số cuối năm	31.302.233	31.302.233

9. Chi phí đầu tư xây dựng cơ bản

	Số đầu năm	Chi phí phát sinh trong năm	Kết chuyển vào TSCĐ trong năm	Kết chuyển giảm khác	Số cuối năm
Mua sắm tài sản cố định	-	4.774.212.993	4.744.558.514	563.570	29.090.909
<i>Chi phí thẩm định 04 xe cuốn ép 9m3</i>	-	<i>18.181.818</i>	-	-	<i>18.181.818</i>
<i>Chi phí mua sắm TSCĐ khác</i>	-	<i>4.756.031.175</i>	<i>4.744.558.514</i>	<i>563.570</i>	<i>10.909.091</i>
Xây dựng cơ bản dở dang	219.002.873	702.778.744	645.826.363	38.941.818	237.013.436
<i>- Xây dựng các công trình khác</i>	<i>106.336.206</i>	<i>645.826.363</i>	<i>645.826.363</i>	<i>38.941.818</i>	<i>67.394.388</i>
<i>- Chi phí xây dựng ISO</i>	<i>112.666.667</i>	<i>56.952.381</i>	-	-	<i>169.619.048</i>
Chi phí sửa chữa tài sản	-	-	-	-	-
Cộng	219.002.873	5.476.991.737	5.390.384.877	39.505.388	266.104.345



10. Phải trả người bán ngắn hạn

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
<i>Phải trả các bên liên quan</i>	-	-
<i>Phải trả các người bán khác</i>	2.518.255.032	1.571.299.365
- Công ty Cổ Phần Nhựa Sài Gòn	-	269.034.128
- Công ty TNHH Thương mại Núi Thành	-	481.090.437
- Công ty TNHH Thương mại và Dịch vụ Đô thị Đà Thành	-	159.007.750
- Công ty TNHH Vật tư Thiết bị Kỹ thuật Hạ tầng	-	-
- Các đối tượng phải trả khác	2.518.255.032	662.167.050
Cộng	<u>2.518.255.032</u>	<u>1.571.299.365</u>

11. Người mua trả tiền trước ngắn hạn

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
<i>Trả trước cho các bên liên quan</i>	-	-
<i>Trả trước của các khách hàng khác</i>	274.405.250	358.949.400
- Khách hàng dịch vụ trả tiền trước	274.405.250	358.949.400
Cộng	<u>274.405.250</u>	<u>358.949.400</u>

12. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	<u>Số đầu năm</u>		<u>Số phát sinh trong năm</u>		<u>Số cuối năm</u>	
	<u>Phải nộp</u>	<u>Phải thu</u>	<u>Số phải nộp</u>	<u>Số đã nộp</u>	<u>Phải nộp</u>	<u>Phải thu</u>
Thuế GTGT hàng bán nội địa	1.977.075.957	-	14.035.683.064	13.794.812.921	2.217.946.100	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	638.817.562	-	930.291.013	829.208.923	739.899.652	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp thuộc giai đoạn Công ty Nhà nước	-	-	160.160.967	160.160.967	-	-
Thuế thu nhập cá nhân	65.956.154	-	244.939.094	321.576.938	-	10.681.690
Thuế tài nguyên	-	-	8.291.200	6.855.600	1.435.600	-
Thuế nhà đất, tiền thuê đất	-	-	448.617.527	448.617.527	-	-
Phí bảo vệ môi trường	-	-	8.742.000	8.742.000	-	-
Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	-	-	82.311.841	82.311.841	-	-
Cộng	<u>2.681.849.673</u>	<u>-</u>	<u>15.919.036.706</u>	<u>15.652.286.717</u>	<u>2.959.281.352</u>	<u>10.681.690</u>



Thuế giá trị gia tăng

Công ty nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ. Thuế suất thuế giá trị gia tăng cho dịch vụ phục vụ công cộng về vệ sinh, thoát nước đường phố và khu dân cư thuộc đối tượng chịu thuế suất 10%. Các dịch vụ khác áp dụng theo thuế suất quy định hiện hành.

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Công ty phải nộp thuế thu nhập doanh nghiệp cho các hoạt động sau:

- Đối với hoạt động kinh doanh xã hội hóa: Áp dụng thuế suất thuế TNDN là 10%.
- Đối với hoạt động kinh doanh khác: Áp dụng thuế suất thuế TNDN là 20%.

Các loại thuế khác

- Công ty kê khai và nộp theo qui định.

Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp trong năm được xác định như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	8.289.983.318	8.443.064.122
- Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh chính	7.669.234.286	7.341.761.602
- Lợi nhuận từ hoạt động khác	620.749.032	1.101.302.520
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán	392.177.780	1.005.915.849
- Các khoản điều chỉnh tăng	392.177.780	1.005.915.849
+ Chi phí không hợp lý	143.984.197	792.427.248
+ Chi thù lao HĐQT, HĐQT, BKS không trực tiếp điều hành	192.000.000	192.000.000
+ Các khoản phạt vi phạm hành chính	56.193.583	21.488.601
- Các khoản điều chỉnh giảm	-	-
Thu nhập chịu thuế	<u>8.682.161.098</u>	<u>9.448.979.971</u>
- Thu nhập chịu thuế hoạt động kinh doanh chính	8.061.412.066	8.347.677.451
- Thu nhập chịu thuế hoạt động kinh doanh khác	620.749.032	1.101.302.520
Thu nhập được miễn thuế	-	-
Lỗi các năm trước được chuyển	-	-
Thu nhập tính thuế	<u>8.682.161.098</u>	<u>9.448.979.971</u>
- Thu nhập tính thuế của hoạt động kinh doanh chính	8.061.412.066	8.347.677.451
- Thu nhập chịu thuế của hoạt động khác	620.749.032	1.101.302.520
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp		
- Thuế suất thuế TNDN hoạt động kinh doanh chính	10%	10%
- Thuế suất thuế TNDN hoạt động khác	20%	20%
Thuế TNDN phải nộp hoạt động kinh doanh chính	806.141.207	834.767.745
Thuế TNDN hoạt động khác	124.149.806	220.260.504
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp	<u>930.291.013</u>	<u>1.055.028.249</u>



13. Phải trả người lao động

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Tiền lương phải trả	5.617.259.839	16.216.687.226
Cộng	<u>5.617.259.839</u>	<u>16.216.687.226</u>

Quỹ tiền lương cho người lao động và cán bộ quản lý được Công ty trích lập theo Thông tư số 28/2016/TT-BLĐTBXH ngày 01/09/2016 của Bộ Lao động Thương binh xã hội.

14. Chi phí phải trả ngắn hạn

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Chi phí phục vụ hoạt động công ích, đặt hàng, dịch vụ	4.922.607.600	6.967.410.370
Trích trước chi phí đầu tư công trình "Tường rào, mương thoát nước tại bãi rác Khánh Sơn"	-	414.919.910
Trích trước chi phí vượt thu	1.155.032.045	770.941.068
Trích trước chi phí kiểm toán năm 2017	49.500.000	-
Cộng	<u>6.127.139.645</u>	<u>8.153.271.348</u>

15. Phải trả ngắn hạn khác

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
<i>Phải trả các bên liên quan</i>	-	-
<i>Phải trả các đối tượng và cá nhân khác</i>	<i>52.231.750.990</i>	<i>73.574.801.152</i>
- Kinh phí công đoàn	-	-
- Bảo hiểm xã hội, y tế, bảo hiểm thất nghiệp	-	210.291.400
- Phải trả cổ phần hóa (*)	15.727.237.156	34.784.272.543
- Ủy ban nhân dân Tp Đà Nẵng (**)	32.775.373.075	36.517.032.168
- Tiền cổ tức phải trả	108.730.654	109.186.654
- Phải trả khác	3.620.410.105	1.954.018.387
Cộng	<u>52.231.750.990</u>	<u>73.574.801.152</u>



(*) Chi tiết công nợ phải trả cổ phần hóa tại ngày 31/12/2017 chờ quyết toán

	Số cuối năm	Số đầu năm
Tổng thu từ phát hành cổ phiếu	25.880.588.200	25.880.588.200
Lãi tiền gửi tài khoản phong tỏa	330.953.732	278.134.072
Phải trả về số vốn lẻ	837.691	837.691
Chuyển vốn khác của chủ sở hữu của DNNN	13.470.655.903	13.470.655.903
Chuyển Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản của DNNN	1.872.477.250	1.872.477.250
Lỗ phát sinh trước cổ phần hóa	(300.775.725)	(300.775.725)
Tiền thu được từ phát hành thêm cổ phiếu	(2.111.896.964)	(2.111.896.964)
Chi trả lao động dôi dư	(3.801.049.657)	(3.801.049.657)
Chi phí cổ phần hóa	(504.698.227)	(504.698.227)
Chi phí công trình Tường rào, mương thoát nước tại bãi rác Khánh Sơn	471.322.960	-
Chuyển tiền phải nộp từ cổ phần hóa	(19.581.178.007)	-
Cộng	15.727.237.156	34.784.272.543

(*) Giá trị của các khoản mục này chưa được quyết toán, đối chiếu với Nhà nước.

(**) Là giá trị còn phải trả Ngân sách Nhà nước theo Công văn 1511/UBND-KTN ngày 26/02/2014 của UBND Thành phố Đà Nẵng về việc tái cơ cấu vốn tại các Công ty TNHH MTV do thành phố quản lý và kinh phí phủ bạt HPDE mái taluy học chôn lấp rác tại bãi rác Khánh Sơn theo Công văn số 8352/UBND-QLĐT ngày 24/10/2015 của Sở Tài chính.

16. Quỹ khen thưởng, phúc lợi

	Số đầu kỳ	Tăng do trích lập từ lợi nhuận	Chi quỹ trong năm	Số cuối kỳ
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	(4.656.869.991)	-	2.402.825.000	(7.059.694.991)
Quỹ phúc lợi đã hình thành tài sản cố định	-	-	-	-
Quỹ thưởng Ban quản lý, điều hành	83.943.896	-	149.200.000	(65.256.104)
Cộng	(4.572.926.095)	-	2.552.025.000	(7.124.951.095)

Trong tổng số Quỹ khen thưởng phúc lợi bao gồm khoản chi vượt (âm) quỹ phúc lợi trong giai đoạn trước cổ phần hóa là (4.155.330.823) đồng. Cho đến thời điểm hiện nay, do chưa có nguồn để bù đắp nên Công ty trình bày số âm khoản chi trên tại khoản mục Quỹ khen thưởng, phúc lợi.



17. Vốn chủ sở hữu
17a. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Vốn góp của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ khác của chủ sở hữu	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng
Số dư tại 01/01/2016	57.736.000.000	111.896.964	-	-	3.209.541.970	61.057.438.934
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	-	7.388.035.873	7.388.035.873
Trả cổ tức trong năm	-	-	-	-	(2.320.548.654)	(2.320.548.654)
Chia lợi nhuận cho các bên theo hợp đồng hợp tác đầu tư	-	-	-	-	(80.659.934)	(80.659.934)
Tăng từ lợi nhuận	-	-	309.406.487	154.703.244	-	464.109.731
Trích lập các quỹ	-	-	-	-	(888.993.316)	(888.993.316)
Số dư tại 31/12/2016	57.736.000.000	111.896.964	309.406.487	154.703.244	7.307.375.939	65.619.382.634
Số dư tại 01/01/2017	57.736.000.000	111.896.964	309.406.487	154.703.244	7.307.375.939	65.619.382.634
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	-	7.359.692.305	7.359.692.305
Trả cổ tức trong năm	-	-	-	-	-	-
Trích lập các quỹ	-	-	-	-	-	-
Số dư tại 31/12/2017	57.736.000.000	111.896.964	309.406.487	154.703.244	14.667.068.244	72.979.074.939



17b. Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Vốn góp của UBND Thành phố Đà Nẵng	29.445.360.000	29.445.360.000
Công ty CP Môi trường Việt Nam	7.719.870.000	7.719.870.000
Ông Nguyễn Văn Tuấn	3.914.060.000	3.914.060.000
Bà Nguyễn Lê My Kha	1.911.050.000	1.911.050.000
Các cổ đông cá nhân khác	14.745.660.000	14.745.660.000
Cộng	<u>57.736.000.000</u>	<u>57.736.000.000</u>

17c. Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, lợi nhuận

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
+ Vốn góp đầu năm	57.736.000.000	57.736.000.000
+ Vốn góp tăng trong năm	-	-
+ Vốn góp giảm trong năm	-	-
+ Vốn góp cuối năm	57.736.000.000	57.736.000.000
- Cổ tức, lợi nhuận đã chia	-	(2.401.208.588)

17d. Cổ phiếu

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	5.773.600	5.773.600
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	5.773.600	5.773.600
- Cổ phiếu thường	5.773.600	5.773.600
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
- Cổ phiếu thường	-	-
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	5.773.600	5.773.600
- Cổ phiếu thường	5.773.600	5.773.600
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành (đồng/cổ phiếu)	10.000	10.000

S: 1
 HI T
 H A
 ĐÀ N
 7A



17e. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối

	Năm nay	Năm trước
Lợi nhuận chưa phân phối đầu kỳ	7.307.375.939	3.209.541.970
Lợi nhuận sau thuế Thu nhập doanh nghiệp kỳ này	7.359.692.305	7.388.035.873
Phân phối lợi nhuận theo Hợp đồng liên doanh	-	(80.659.934)
Phân phối lợi nhuận năm trước	-	(3.209.541.970)
- Quỹ đầu tư phát triển	-	(309.406.487)
- Quỹ dự phòng tài chính	-	(154.703.244)
- Quỹ khen thưởng phúc lợi	-	(309.406.487)
- Quỹ khen thưởng Ban điều hành	-	(115.477.098)
- Chia cổ tức	-	(2.320.548.654)
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	14.667.068.244	7.307.375.939

18. Nguồn kinh phí

Là nguồn kinh phí được Ủy ban nhân dân thành phố Đà Nẵng cấp để chi trả cho cán bộ công nhân viên Công ty phục vụ Tết nguyên đán và các chương trình khác trong năm 2014, 2015 và năm 2016, 2017 còn lại, chi tiết cụ thể là:

	2014	2015	2016	2017	Tổng cộng
Tổng nguồn kinh phí được cấp	1.177.600.000	1.293.000.000	1.201.000.000	1.500.100.000	5.171.700.000
Số tiền đã chi	1.156.900.000	1.266.900.000	1.053.900.000	1.312.100.000	4.789.800.000
Số kinh phí còn lại chưa chi	20.700.000	26.100.000	147.100.000	188.000.000	381.900.000

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH (đơn vị tính: VNĐ)

1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Năm nay	Năm trước
Doanh thu cung cấp dịch vụ	212.356.946.515	197.698.532.563
+ Doanh thu hoạt động công ích	76.096.839.014	68.227.213.089
+ Doanh thu theo đơn đặt hàng	96.600.701.819	95.726.279.090
+ Doanh thu hoạt động dịch vụ khác	39.659.405.682	33.745.040.384
Các khoản giảm trừ doanh thu	-	-
Cộng	212.356.946.515	197.698.532.563



2. Giá vốn hàng bán

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Giá vốn hàng bán, dịch vụ đã cung cấp	193.811.351.445	179.081.978.108
Cộng	<u>193.811.351.445</u>	<u>179.081.978.108</u>

3. Doanh thu hoạt động tài chính

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	88.860.570	756.974.173
Cộng	<u>88.860.570</u>	<u>756.974.173</u>

4. Chi phí bán hàng

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chi phí dịch vụ mua ngoài	8.127.273	-
Chi phí bằng tiền khác	25.603.728	-
Cộng	<u>33.731.001</u>	<u>-</u>

5. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chi phí nhân viên quản lý	6.004.239.674	6.505.424.980
Chi phí vật liệu quản lý	349.458.128	231.238.558
Chi phí đồ dùng văn phòng	245.893.976	281.568.193
Thuế, phí, lệ phí	448.617.527	464.336.655
Chi phí dịch vụ mua ngoài	2.640.309.881	2.408.994.232
Chi phí bằng tiền khác	893.456.558	1.054.034.192
Cộng	<u>10.581.975.744</u>	<u>10.945.596.810</u>



6. Thu nhập khác

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Thu bồi thường do phá dỡ trạm chợ Hòa Khánh	387.455.870	-
Thu nhập từ quà tặng từ tổ chức Koica	214.183.125	-
Xử lý công nợ	139.091	-
Thu nhập khác	11.818.181	36.620.905
Cộng	<u>613.596.267</u>	<u>36.620.905</u>

7. Chi phí khác

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Giá trị còn lại TSCĐ và chi phí tháo dỡ TSCĐ	228.799.416	-
Phạt thuế, phạt chậm nộp Bảo hiểm	56.193.583	21.488.601
Xử lý chi phí tháo dỡ Nhà vệ sinh các năm trước	38.941.818	-
Chi phí hao hụt xăng dầu chạy xe các năm trước	13.627.027	-
Các khoản chi phí khác	4.800.000	-
Cộng	<u>342.361.844</u>	<u>21.488.601</u>

8. Lãi trên cổ phiếu

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	7.359.692.305	7.388.035.873
- Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông:	-	(80.659.934)
+ Phân chia lợi nhuận liên doanh	-	(80.659.934)
+ Trích quỹ khen thưởng Ban điều hành	-	-
+ Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-
LN hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu CP phổ thông	7.359.692.305	7.307.375.939
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ (cổ phiếu)	5.773.600	5.773.600
Lãi cơ bản trên cổ phiếu (đồng /cổ phiếu)	<u>1.275</u>	<u>1.266</u>

Cho đến thời điểm hiện nay, Công ty chưa có quy định về tỷ lệ trích cụ thể của các Quỹ khen thưởng, phúc lợi và Quỹ khen thưởng Ban điều hành. Do vậy, khoản lợi nhuận phân bổ cho cổ phiếu phổ thông dùng để xác định lãi cơ bản trên cổ phiếu trên báo cáo tài chính này chưa trừ các Quỹ khen thưởng, phúc lợi và Quỹ khen thưởng Ban điều hành. Chỉ tiêu này sẽ có sự thay đổi khi có Quyết định chính thức về việc phân phối lợi nhuận năm 2017.



Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm được tính như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành đầu năm	5.773.600	5.773.600
Ảnh hưởng của cổ phiếu phổ thông mua lại	-	-
Ảnh hưởng của cổ phiếu phổ thông phát hành	-	-
Cổ phiếu phổ thông lưu hành bình quân trong năm	<u>5.773.600</u>	<u>5.773.600</u>

9. Lãi suy giảm trên cổ phiếu

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông dùng tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	7.359.692.305	7.307.375.939
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận		
Lợi nhuận để tính lãi suy giảm trên cổ phiếu	7.359.692.305	7.307.375.939
Số lượng cổ phiếu phổ thông sử dụng để tính lãi suy giảm trên cổ phiếu	5.773.600	5.773.600
Lãi suy giảm trên cổ phiếu (đồng/cổ phiếu)	<u>1.275</u>	<u>1.266</u>

10. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	37.183.014.709	29.761.042.111
Chi phí nhân công	119.086.399.976	113.493.007.803
Chi phí khấu hao tài sản cố định	11.249.081.652	10.385.775.928
Chi phí dịch vụ mua ngoài	28.441.897.724	29.198.273.446
Chi phí khác bằng tiền	7.365.857.913	6.559.706.358
Cộng	<u>203.326.251.974</u>	<u>189.397.805.646</u>

VII. Điều chỉnh hồi tố

Căn cứ Thông báo số 512/TB-KTNN KV III ngày 12/12/2017 của Kiểm toán Nhà nước Khu vực III “Thông báo kết quả kiểm toán tại Công ty Cổ phần Môi Trường Đô thị Đà Nẵng” Công ty quyết định điều chỉnh hồi tố Báo cáo tài chính của năm 2016. Điều chỉnh hồi tố ảnh hưởng đến số liệu đầu năm trên Bảng cân đối kế toán và số liệu năm trước trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh năm 2017 như sau:



Mã số	Bảng cân đối kế toán	Số đầu năm (Đã hồi tố)	Số đầu năm	Chênh lệch
Tài sản				
131	Phải thu ngắn hạn của khách hàng	22.528.866.663	24.605.160.663	(2.076.294.000)
136	Phải thu ngắn hạn khác	6.512.558.594	5.598.507.465	914.051.129
Nguồn vốn				
313	Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	2.681.849.673	2.891.915.382	(210.065.709)
315	Chi phí phải trả ngắn hạn	8.153.271.348	7.912.128.948	241.142.400
421b	LNST chưa phân phối kỳ này	7.307.375.939	8.500.695.501	(1.193.319.562)
Mã số	Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	Năm trước (Đã hồi tố)	Năm trước	Chênh lệch
01	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	197.698.532.563	199.586.072.563	(1.887.540.000)
11	Giá vốn hàng bán	179.081.978.108	179.754.886.837	(672.908.729)
51	Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	1.055.028.249	1.076.339.958	(21.311.709)
70	Lãi cơ bản trên cổ phiếu	1.266	1.472	(206)
71	Lãi suy giảm trên cổ phiếu	1.266	1.472	(206)

- (1) Điều chỉnh giảm doanh thu đặt hàng công tác quét gom rác đường Hoàng Sa số tiền: 335.834.545 đồng, giảm thuế GTGT đầu ra phải nộp số tiền: 33.583.455 đồng do tính theo định mức ca đêm
- (2) Điều chỉnh giảm doanh thu đặt hàng vệ sinh quét rác tại các tuyến đường số tiền: 1.086.530.909 đồng và giảm thuế GTGT đầu ra phải nộp số tiền: 108.653.091 đồng do thanh toán thừa khối lượng
- (3) Điều chỉnh giảm doanh thu vệ sinh làm sạch, sàng cát biển bằng máy số tiền: 59.427.273 đồng và giảm thuế GTGT đầu ra phải nộp số tiền: 5.942.727 đồng do nghiệm thu thừa khối lượng
- (4) Điều chỉnh giảm doanh thu hạng mục vệ sinh nghĩa trang Hòa Sơn; hạng mục tưới nước rửa đường số tiền: 656.937.273 đồng và giảm thuế GTGT đầu ra phải nộp số tiền: 65.693.727 đồng do nghiệm thu thanh toán thừa so với khối lượng thực tế thực hiện
- (5) Điều chỉnh tăng doanh thu giá trị thi công xây dựng và lắp đặt công nghệ xử lý nước thải với Công ty TNHH Đầu tư và Phát triển Silver Shores số tiền: 251.190.000 đồng và tăng thuế GTGT đầu ra phải nộp số tiền: 25.119.000 đồng
- (6) Điều chỉnh thuế suất thuế TNDN đối với hoạt động khác: cho thuê mặt bằng, kinh doanh thùng rác từ thuế suất 10% lên 20%

VIII. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (đơn vị tính: VND)

Các khoản tiền và tương đương tiền Công ty đang nắm giữ nhưng không được sử dụng

Trong tổng số tiền và tương đương tiền Công ty đang nắm giữ tại ngày 31/12/2017, khoản tiền hiện có của tài khoản tiền gửi tại Ngân hàng Liên doanh Việt Nga – CN Đà Nẵng với giá trị là 2.449.706.342 đồng là tài khoản phong tỏa phục vụ cho việc thu tiền từ cổ phần hóa, Công ty không được sử dụng khoản tiền này.

IX. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

1. Các cam kết

Theo Hợp đồng liên doanh số 35/10/KH/HĐKT ký ngày 18/03/2009, Công ty Môi trường Đô thị Đà Nẵng (nay là Công ty cổ phần Môi trường Đô thị Đà Nẵng) và Công ty cổ phần Môi trường Toàn Cầu Xanh liên doanh trong việc xử lý chất thải nguy hại tại bãi rác Khánh Sơn, khối Khánh



Son, phường Hòa Khánh Nam, quận Liên Chiểu, thành phố Đà Nẵng theo hình thức hợp đồng hợp tác kinh doanh, hai bên góp vốn bằng tài sản và giao cho Xí nghiệp xử lý chất thải nguy hại – dịch vụ môi trường (trực thuộc Công ty CP Môi trường Đô thị Đà Nẵng) trực tiếp tổ chức kinh doanh. Thu nhập từ liên doanh được chia cho các bên theo tỷ lệ % doanh thu thực hiện, cụ thể:

- Tỷ lệ vốn góp: Công ty CP Môi trường Đô thị Đà Nẵng 55,3%, Công ty CP Môi trường Toàn Cầu Xanh 44,7%
- Trích chi phí quản lý: 4% doanh thu (chia cho Công ty CP Môi trường Đô thị Đà Nẵng 2,5% và Công ty CP Môi trường Toàn Cầu Xanh 1,5%).
- Trích chi phí khấu hao tài sản: 6,5% doanh thu (chia cho các bên theo tỷ lệ góp vốn).
- Trích lợi nhuận định mức: 4,5% doanh thu (chia cho các bên theo tỷ lệ góp vốn).

Hội đồng quản trị đã thống nhất thời gian chấm dứt hợp đồng liên doanh từ ngày 31/03/2016.

Cho đến tại thời điểm hiện nay, giữa Công ty và Công ty cổ phần Môi trường Toàn Cầu Xanh vẫn đang trong quá trình thương thảo và vẫn chưa thống nhất về giá cả nên chưa thể xử lý dứt điểm hợp đồng liên doanh này.

2. Giao dịch và số dư với các bên liên quan

Các bên liên quan với Công ty bao gồm: các thành viên quản lý chủ chốt, các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt và các bên liên quan khác.

a. *Giao dịch và số dư với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt*

Các thành viên quản lý chủ chốt gồm: các thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát. Các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt là các thành viên mật thiết trong gia đình các thành viên quản lý chủ chốt.

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Hội đồng quản trị	411.997.200	578.905.360
Tiền lương	315.997.200	324.000.000
Thù lao	96.000.000	96.000.000
Cổ tức	-	158.905.360
Ban Tổng Giám đốc	1.228.878.000	1.228.118.000
Tiền lương	1.228.878.000	1.222.000.000
Cổ tức	-	6.118.000
Ban kiểm soát	358.910.073	373.406.000
Tiền lương	262.910.073	276.000.000
Thù lao	96.000.000	96.000.000
Cổ tức	-	1.406.000
Cộng	<u>1.999.785.273</u>	<u>2.180.429.360</u>



3. Báo cáo bộ phận

- *Trình bày báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh*

Trong năm, hoạt động kinh doanh của Công ty chủ yếu là kinh doanh dịch vụ phục vụ công cộng về vệ sinh, thoát nước đường phố và khu dân cư.

- *Trình bày báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý*

Trong năm, toàn bộ hoạt động của Công ty đều được thực hiện tại thành phố Đà Nẵng, Việt Nam.

4. Số liệu so sánh

Là số liệu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016 đã được kiểm toán bởi Chi nhánh Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn Chuẩn Việt tại Đà Nẵng. Một số chỉ tiêu trên Bảng cân đối kế toán và Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh đã được điều chỉnh lại theo thuyết minh tại mục VII. Điều chỉnh hồi tố

5. Khả năng hoạt động kinh doanh liên tục

Không có những yếu tố đưa đến sự nghi ngờ về khả năng hoạt động kinh doanh liên tục của Công ty và các biện pháp, cam kết đảm bảo cho sự hoạt động trong thời gian tới của Công ty.

6. Các sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính

Không có sự kiện nào phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính yêu cầu phải điều chỉnh số liệu hoặc công bố trong Báo cáo tài chính

Đà Nẵng, ngày 17 tháng 3 năm 2018



HUỲNH DUY HẢI
Người lập biểu



ĐỖ VĂN TÀI
Kế toán trưởng



ĐẶNG ĐỨC VŨ
Tổng Giám đốc





CHỮ KÝ NGƯỜI ĐẠI DIỆN PHÁP LUẬT

TỔNG GIÁM ĐỐC *Uên*



ĐẶNG ĐỨC VŨ





CÔNG TY CỔ PHẦN MÔI TRƯỜNG ĐÔ THỊ ĐÀ NẴNG

Địa chỉ 471 Núi Thành, Phường Hòa Cường Nam, Quận Hải Châu, TP. Đà Nẵng

Điện thoại (0236) 3622007

Fax (0236) 3642423

Website www.moitruongdothidanang.com.vn

Email ctmtdt@danang.gov.vn